

TẠ P CH Í

Thơ

S Ồ M ù A Đ Ō N G 1 9 9 4



PHAN KHÔI BÙI GIÁNG LÊ ĐẠT THÁI TUẤN ĐẶNG ĐÌNH HUNG NGỌC DỨNG
DIỄM CHÂU NGUYỄN TIẾN VÂN ĐÌNH CƯỜNG DU TỬ LÊ HUỲNH MẠNH TIÊN
NGUYỄN QUỐC TRỤ NGUYỄN TIẾN HOÀNG HÙNG PHAN TẤN HẢI KHÁNH
TRƯỜNG ĐỖ KH. CHÂN PHƯƠNG NGUYỄN HOÀNG NAM TRÂM PHỤC KHẮC
PHAN NI TẤN HOÀNG XUÂN SƠN TRẦN MỘNG TÚ MAXIME ALEXENDRE
BÙI CHÍ VINH TRIỀU HOA ĐẠI NGUYỄN TÔN NHAN HUY TƯỚNG ĐẶNG TẤN
TỚI THANH THẢO NGUYỄN ĐỖ NGUYỄN QUANG THIỀU JORGE-LUIS BORGES
JEAN RISTAT TRẦN NGỌC TUẤN HOÀNG NGỌC TUẤN NGUYỄN HOA TƯƠI
VÔ TẤN CƯƠNG NGUYỄN TRỌNG TẠO ĐỖ QUYÊN PHẠM HOÁN KHẾ IÊM

T A P C H Í

Thao

S Ồ M Ò A Đ Ô N G 1 9 9 4

chủ trương

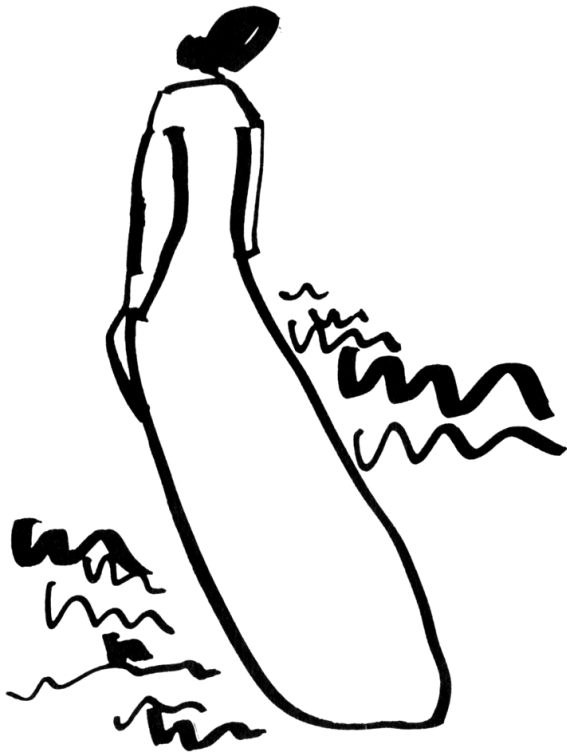
Lê Bi	Hoàng Phủ Cương	Phạm Việt Cường	Phan
Tấn Hải	Khế Iêm	Đỗ Kh.	Trần Phục Khắc
Nguyễn Hoàng Nam		Chân Phương	Nguyễn Tiến
Huyền Mạnh Tiên		Trịnh Y Thư	Nguyễn Tiến Văn

thư từ, bài vở
Khế Iêm

trình bày
Phạm Hoán

P.O.Box 1745, Garden Grove, CA 92642

ơ dưng



Phụ Bản Ngọc Dưng

MỤC LỤC

Bìa **Phạm Hoán**/ Phụ bản **Ngọc Dũng** 1/ Mục Lục 2/ Thư tòa soạn 3/ **Thái Tuấn**, Thơ Họa 4/ **Bùi Giáng**, Rằng (thơ) 5/ **Lê Đạt**, thơ 6/ **Nguyễn Tiến**, Thơ 7/ **Hoàng Ngọc Tuấn**, Hai Khúc Ca và Lời Đồng Vọng (thơ) 10/ **Hoàng Hưng**, Về Bản Sắc Dân Tộc và Thơ Hôm Nay 12, Mưa Đêm (thơ) 17/ **Du Tử Lê**, Hoán Vị (thơ) 18/ **Huỳnh Mạnh Tiên**, Thơ 20/ **Phan Tấn Hải**, Tinh Phi Truyện 22/ **Hoàng Phủ Cường**, Thơ 26/ **Thường Quán**, Trong Bóng Tối Căn Vườn (thơ) 28/ **Khế Iêm**, Trích 30, Thơ 32/ **Nguyễn Hoàng Nam**, Đảo Chính 35, Thơ 37/ **Đỗ Kh.**, Trong Túi Việt Kiều Cái Gì Tôi Cũng Có (thơ) 39/ Phụ bản **Khánh Trường** 41/ **Diễm Châu**, Maxime Alesandre 42, Thơ 45/ **Jorge Luis Borges**, Thơ 46/ **Đỗ Kh.**, Giới Thiệu Jean Ristat, 49, Đoàn Khúc Để Mùa Xuân Đến Vội (thơ) 51/ **Chân Phương**, Nhật Tụng (thơ) 52/ **Diễm Châu**, Những Đoàn Tàu (thơ) 57/ **Phan Khôi**, Lại Dịch Tùy Viên Thi Thoại 58/ **Triều Hoa Đại**, Vạt Nến Hồng (thơ) 60/ **Đặng Tấn Tới**, Cầm Đê Liêu Trai Tự Chí (thơ) 61/ **Huy Tường**, Những Bài Thơ Mười Bốn Chữ (thơ) 63/ **Nguyễn Tôn Nhan**, Tìm Thơ (thơ) 65/ **Nguyễn Trọng Tạo**, Lưu Lạc (thơ) 66/ **Võ Tấn Cường**, Tản Mạn Về Hành Trình Thi Ca 67/ **Đặng Đình Hưng**, Chợ (thơ) 70/ **Trần Phục Khắc**, Thơ 72/ **Đỗ Quyên**, Nắng và Hoa (thơ) 74/ Phụ bản **Đình Cường**, 77/ **Nguyễn Hoa Tươi**, Luồng Gió Mới Trong Thơ 78/ **Nguyễn Quang Thiều**, Những Người Đàn Bà Gánh Nước Sông (thơ) 85/ **Nguyễn Đỗ**, Hồi ức của Một Ngày (thơ) 86/ **Thanh Thảo**, Ấn Cự (thơ) 87/ **Bùi Chí Vinh**, Ngó Lại Tiền Nhân (thơ) 88/ **Nguyễn Trọng Tạo**, Thơ Cần Có Cái Nhìn Tôn Trọng 90/ **Hoàng Xuân Sơn**, Cõi Biệt (thơ) 97/ **Lưu Hy Lạc**, Ở PCT 98/ **Trần Ngọc Tuấn**, Những Mùa thu Cũ (thơ) 98/ **Trần Mộng Tú**, Bài Thơ Con Gái (thơ) 100/ **Lê Giang Trần**, Đứng Giang Tay Làm Mọc 102/ **Phan Ni Tấn**, Nụ Xót Xa 103.

Tạp chí THƠ số ra mắt mùa Thu 1994 đã được đón nhận nồng nhiệt của quý bạn đọc. Điều này chứng tỏ Thơ đã đáp ứng phần nào nhu cầu mà bấy lâu nay chưa hề hiện thực. Chẳng phải bằng tiếng nói đã được cất lên từ tro than mà bằng một sinh lực tràn đầy của dòng suối chảy cuốn theo cả cơn lốc bão thời thế. Và vậy, Thơ kết hợp nhiều thế hệ, nhiều khuynh hướng, hài hòa trong nỗ lực tìm kiếm và đóng góp chấp nhận và không phủ nhận. Và cũng là bắt đầu một cuộc lean đường khác dù rằng Thơ, luôn luôn và mãi mãi, đã lên đường từ muôn năm trước. Từ dấu ấn đó, xin mời quý bạn đọc bước vào số mùa Đông 1994.

THƠ

THƠ, HỌA

Thái Tuấn

Một nhà thơ tài ba lỗi lạc, sau khi đã làm ra hàng ngàn câu thơ bất hủ, đã tâm sự:

Mua vui cũng được một vài trống canh.

Không phải là sự khiêm nhượng, mà chính là lời nói chân tình, một quan niệm của ông về thi ca, nghệ thuật.

Thơ chỉ thành thơ khi vượt qua ngôn ngữ như người họa sĩ phải vượt qua hình sắc trong công việc sáng tạo.

Trong đời sống con người, ngôn ngữ đã được tạo thành trước thơ, trước họa. Song vì bất lực, giới hạn trong sự truyền đạt nên đã có thi ca, hội họa.

Ngôn ngữ giới hạn tầm nhìn của con người như bức kính mờ đục; được thơ họa gỡ bỏ, thay thế cho con người bằng một tấm kính trong suốt. Sự truyền đạt dù có được nới rộng, thì bức tường bằng pha lê, trong suốt vẫn là bức tường. Không có thi sĩ và họa sĩ thì Thơ và cái Đẹp vẫn có đó.

Người Trung Hoa xưa kia đã xếp loại: Cầm, Kỳ, Thi, Họa. Làm thơ, vẽ tranh, chơi đàn, đánh cờ cũng chỉ là một cách chơi, sự mua vui, giải trí. Là đẹp bỏ sự khôn lanh, tính toán của trí óc về sự thua được, thành bại trong cuộc sống; để dành lấy đôi phút nhàn nhã.

Thật ra thì thơ, họa, cũng chỉ có thể nói về những cái nhìn thấy, nghe thấy quanh ta, trong đời sống. Vượt qua những điều đó, thi nhân, nghệ sĩ ao ước truyền đạt những điều khó nói thành lời. Những cái ở trong giọt nước, ở ngoài ánh nắng; trong nụ cười và cả ở nơi dòng lệ. Nơi chốn tận cùng của niềm hoan lạc và nỗi ưu phiền, nơi chốn vượt khỏi bức vách của âm thanh, hình sắc, ngôn ngữ; ở đó không còn đẹp, xấu; dữ lành; để trả lại cho không gian sự yên tĩnh.

mùa hạ 9

BÙI GIÁNG

RẰNG

Rằng nhịp gió chạy đầu cây gọi nước
 Kết sương mây về cổng cụm xanh chùm
 Cầu nước nở kéo chân trời xuôi ngược
 Xuống hồng quần em ố lục hoen lam
 Quần sẽ đỏ từ khi trăng là nguyệt
 Kinh là kỳ từ châu quận tân toan
 Từ xứ sở đấng cay thu đầu chết
 Bước dã man sâu xé lá gieo vàng
 Lá sẽ đỏ từ vàng da mũi lệch
 Môi là mềm hoa mọc mật cong môi
 Từ bờ cõi chia xương chua là ngọt
 Trút lang thang từ nát mộng lên trời
 Mộng sẽ đỏ từ hoa đêm ghẹo chọc
 Cánh thay hồng từ cánh đỏ cuồng điên
 Từ thung lũng mù kêu mưa gọi móc
 Tới phiêu du từ vắng nhật qua miền
 Ô em ạ lá cỏn là chữ lệ
 Chớ mẩn răng mà không chớ mẩn răng
 Sâu chim chóc ôm đầu khe khép mí
 Xứ thiên thu là xứ sở thưa răng

LÊ ĐẠT

QUAN HỌ

Tóc trắng tằm xuân xanh qua cầu với gió
Đùi bãi ngô non
 Ngo ngó sông đầy
Cây gạo già lơ lửng lean hiệu đỏ
Lalả cành
 Cởi thắm
 Để hoa bay

Em về nói làm sao với mẹ

ĐỆM

Bước đệm đưa tình xanh khúc phố
Nốt chân xuân đàn cò lạ phím lửa
Chập chững duong cầm
 Bè laic
 Ngã tương tư

NGUYỄN TIẾN

HÀNH KHÚC

Đất linh hiển ùn giếng nấc cụt
Nải đeo hàm thiết ngón chân mây
Quét hất hủi phiến đá bạnh mặt
Trút nghìn thu động một cối xay

Điểm huyết điều đứng tê miệng lưỡi
Thất thổ nổi quấy cựa hỗn mang
Vận chuyển oằn đốt lưng ngựa mồi
Xổ rở đồng vương víu búa ngang

Thâu vén đĩa bát quanh miệng vực
Liệng hòn ngói vỡ ngổ sang sông
Mùi mũi xuôi tay về hổ cứ
Giã nhân gian, rồi một đoạn đường

Trái tim phình trương banh lồng ngực
Lồng ngực xoè đôi cánh vọt bay
Vạm vỡ bất võng choàng ngực thắm
Lố nhố tiền thân lạnh trở vai

Vết máu bầm, đùng chiều bệnh hoạn
Hốt tàn đốm, thở nén môi sinh
Mỗi đợt sóng trời làm bụi giăng
Ngoắt lửa thiêu ga gấm mô hình

TRÍCH DẪN TỪ VỰC THẨM

1

Đứng tấn
Vố búa tạ lòng đất
Túm cổ chai
Vứt xuống thẳm cùng
Thấu cây

Núi trố
Chờ vực đảo khuynh
Mất khuyết hãm không lấp đầy
Lỗ rỉ vàng ố
Chiều hoại sắc
Mọc mồng gà sần sượng

Sự vắng mặt đang cửa quậ
Giăng bầy, ngoạm
Tiếng chim
Đùn mây cánh phượng

Lý lịch buộc trâu hồi
Gỡ ngực
Nói nhảm
Người không thể nhận diện vực thẳm
Mà bị vực thẳm nhận diện

Chứng kiến:
Tiếng trẻ khóc sơ sinh
Bên cửa mình trái đất

2

Rượu tuột dốc cuống họng
Lòng reo ấm nước sôi
Cuộc hành trình gấp rút
Không lẽ suốt đời làm phỗng tượng
Độc mật chú
Cho vực thẳm sống dậy
Bước lên

3

Rơi choảng
Bắn tiếng với hư vô
Chai liệng xuống đáy trũng
Sao miểng dạt lên bờ?

4

Dùng đòn bẩy thời gian
Quật núi đá
Độc câu trả lời
Trên trang giấy chạy hàng lỗ đục
Cộm ngón tay kẻ mù

HOÀNG NGỌC TUẤN

HAI KHÚC BI CA VÀ LỜI ĐỒNG VỌNG

I

Hôm qua ôi không những ngày trước nữa
những năm tháng xưa những mùa hủy tích
trở về cầu tôi trở về xe tôi đau ngực hàng bóng sắc

Bầy kim loại đen bầy kim loại xám
lăn trên đường phố nghiêng lên đường phố
xô vào không gian lửa và tiếng nổ đỏ xối thịt da người

Những chân trời xa mặt biển mở rộng
rừng chân người chạy ngực âm tiếng súng
tắt thở đồng ruộng tắt thở dòng sông tôi hãi cuồng bỏ trốn

Kẽm gai âm thanh kẽm gai ánh sáng
siết chặt đầu lưỡi siết chặt con người
bóng tối mở nghìn ô vuông im lặng ai nằm chết không lời

II.

Ném xuống trí nhớ mỏ neo rỉ sét
níu chặt sợi thừng nổi đầu dằng dặc
sợ quên mặt người sợ quên tên người

tôi mù lòa huy hoặc

chảy máu thời gian chảy máu ý tưởng
rớt vào nghịch phách rớt vào lộng ngôn
hư cấu mỗi mòn âm giai hình tượng

lạc mất bóng con người

Giấc ngủ lân tinh soi trời ký ức
xô cửa chiêm bao bay vào đời thật
thấy từng góc phố thấy từng đường làng

nhiều đêm choàng tỉnh giấc

Đá trở linh hồn đá trở thể xác
bôi đen tiếng cười bôi đen tiếng khóc
giữa phố đông người hốt nhiên ôm mặt

nghe sét nổ lưng trời

VỀ BẢN SẮC DÂN TỘC VÀ THƠ HÔM NAY

Hoàng Hưng

I. Mười ba ý kiến về thơ, về dân tộc và hiện đại

1. Bản sắc Việt Nam 1000 năm qua gắn chặt với *văn hóa làng*, 100 năm cuối cùng chứng kiến sự rạn vỡ của văn hóa làng trước sự xâm nhập của văn hóa *á-hiện-đại* *Âu Mỹ*, sự cưỡng hôn đẻ ra văn hóa *tiểu-đô-thị-nửa mùa*. Sắp ập tới thiên niên kỷ thou ba, thế giới bước vào hậu-hiện-đại, Việt Nam bước vào hiện đại hóa chủ động mở cửa cầu hôn, ai biết được thế hệ năm 2010 sẽ nhìn cái “bản lai diện mục Việt Nam” ra sao?

2. Người phương Tây thích coi múa rối nước, một trò vui kỳ lạ đối với đời sống tiện nghi của họ. Tôi rùng mình khi thấy những nữ nghệ sĩ của chúng ta ngâm nửa mình trong nước bẩn và lạnh để giữ gìn những kỷ niệm thi vị của một quá khứ đau khổ!

3. Có sự khác nhau căn bản giữa cuộc chiến đấu của một dân tộc chống lại nguy cơ vong quốc với cuộc chiến đấu của mỗi cá thể chống lại nguy cơ vong thân trong xã hội hiện đại. Cuộc trước hào hùng, tập thể, còn cuộc sau âm thầm, đơn độc. Để đạt tới giác ngộ, không có con đường chung, mỗi người có một công án cho riêng mình.

4. Tất cả các cuộc cách mạng, cách tân thi pháp trên thế giới 100 năm nay chỉ có một ý nghĩa: giải phóng nhà thơ khỏi mọi khuôn thước nhanh chóng trở thành cứng nhắc trước sự biến động và phân hóa ngày càng tăng tốc của xã hội hiện đại. Thi pháp của thời hiện đại là thi pháp của từng nhà thơ, thậm chí của từng thời khắc trong nhà thơ.

5. Sẽ đến lúc bản sắc dân tộc không phải được hình dung như một gương mặt trung-bình-cộng khuyết danh của cộng đồng, mà được đúc kết từ những cá tính sáng tạo độc đáo, mạnh mẽ nhất.

6. Thơ hiện đại là nỗi khao khát tự nhận thức triệt để của con người hiện đại. Muốn đào tới “gốc rễ của tiếng kêu” (Lorca). Không còn tin ở

những kết luận, giải thích minh thị sau khi mọi dữ kiện tâm linh đã đi qua cái computer chương trình hóa có tên là *lý trí*, nó đòi hỏi ghi hình trực tiếp diễn biến vật lộn, sinh thành trong bóng tối của bản ngã.

7. Sự “cô đơn toàn phần” (Đặng Đình Hưng), hiện diện im lặng của vô thức tạo cho thơ hiện đại một thứ quyền lực mà thơ trước đó có lẽ chưa biết tới: ám ảnh đến mức gây bất an.

8. Lật đổ chuyên chế của lý trí, nghệ thuật hiện đại phương Tây phát hiện được mặt nạ ma thuật châu Phi và con mắt thứ ba của Thiên.

9. Dân ca hát vào buổi sáng, thơ cổ điển viết ban ngày, thơ lãng mạn chiều tà, thơ tượng trưng lúc tối, thơ siêu thực nửa đêm, thơ đương đại viết lúc không đêm không ngày không chiều không sáng.

10. Không Lộ thiền sư kể chuyện ông tìm được đất tốt, lai láng tình quê, có khi ông lên thẳng đỉnh núi kêu dài một tiếng lạnh cả thái hư. Nhà thơ hiện đại chẳng phân giải gì cả, tự nhiên hét lên một tiếng. Tiếng hét ấy là thơ hay khoảng im lặng sau đó là thơ?

11. Thơ Việt Nam sẽ là bộ phận văn hóa gìn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc vững vàng nhất, vì nó ít thực dụng nhất, vì nó bầu vùi vào cái phương tiện mang tính dân tộc triệt để nhất là ngôn ngữ.

12. 100 năm qua, tiếng Việt biến đổi rất nhiều về từ vựng và cú pháp - những yếu tố gắn nhiều với chức năng thông tin giao tiếp thực dụng, nhưng nhạc tính của nó - yếu tố ít thực dụng nhất, thì không thay đổi. Nhiều bài thơ lúc đầu bị kêu “đặc Tây” rồi lại được chấp nhận như di sản văn hóa dân tộc, là nhờ đặc tính của từ ngữ. Cũng như nhiều ca khúc, hoà âm khúc thức “đặc Tây” nhưng vẫn Việt Nam nhờ ca từ bám vào đặc điểm đơn âm đa thanh của tiếng Việt.

Nắm vững những bí mật của nhạc tính tiếng Việt là bảo đảm chắc chắn nhất bản sắc dân tộc của thơ.

13. Trong các quan niệm về thơ hiện đại, có quan niệm đề cao, thậm chí tuyệt đối hóa, mục đích sáng tạo ngôn ngữ của thơ. Có người gọi đó là “dòng chữ” (để đối lập với “dòng nghĩa” là dòng xem nặng nội dung ý nghĩa của thơ). “Dòng chữ” muốn cắt bỏ cho ngôn ngữ cái ách ngữ nghĩa lắm khi biến nó thành con bò chở thông tin thông tục, muốn tạo nghĩa mới cho con chữ, muốn sống lại sự trinh nguyên của con âm. Tiếng Việt là một trong số ít ngôn ngữ có cả một không gian cho những

phút tự do bay bổng đầy khoái cảm của ngữ âm, với sức khơi gợi những cảm giác - liên tưởng, những trạng thái tâm linh chưa có tên gọi. Hình như chính cái đặc sắc này của tiếng Việt tạo ra chất *mông lung duy cảm* của thơ Việt. Phải chăng đó là bản sắc của thơ Việt Nam?

II. THỬ NÓI VỀ BẢN SẮC DÂN TỘC CỦA MỘT BÀI THƠ HIỆN ĐẠI.

Bến lạ của Đặng Đình Hưng là bài thơ đáng coi là hiện đại cả về quan niệm lẫn thi pháp. Đó là bài thơ văn xuôi khoảng cuối những năm 70, khi Đặng Đình Hưng ngoài 50 tuổi, sau chặng đường hơn 25 năm âm thầm thể nghiệm một con đường thơ riêng theo ảnh hưởng của Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm. Đây cũng là lúc ông phát hiện ung thư trong phổi.

Bài thơ là một độc thoại trong nỗi cô đơn khó lòng chia sẻ, một cuộc “tổng tảo mộ” ở cuối cuộc đời đầy bi kịch và thất bại, một dòng tâm thức rời bởi những tia ký ức khi tỏ khi mờ, những khát khao thêm thuở vô vọng từ tầm thường đến siêu hình, những lời tự phán xét không thiếu mĩa mai chua chát, thỉnh thoảng lại nhói lên những vết đau phải kêu thành tiếng, và ám ảnh tất cả là hình ảnh cái *Bến Lạ* bí mật quuyền rũ phấp phồng lời hứa hẹn đa nghĩa ở cuối cuộc ra đi sau chót.

Một cuộc chơi bày tặn cùng bản ngã trong một bút pháp rất gần với lối “viết tự động” (écriture automatique) mà trường phái siêu thực đã thể nghiệm, để ngòi bút dẫn dắt bởi một lực dẫu mặt, khiến dòng hiện bên nhau những mảnh vụn thực tại xa cách về không gian thời gian giống như trong giấc mơ, hòa tấu những ngôn ngữ của trí tuệ, tình cảm, trực giác, tiềm thức và tâm linh. Nhưng thực ra, Đặng Đình Hưng biết phối hợp sự buột miệng tình cờ với lao động kỹ lưỡng trên từng con chữ, từng cách ngắt câu xuống dòng để tạo hiệu quả tổng lực cho bài thơ. Đường lối hiện đại ấy chẳng hề làm hư hại bản sắc Việt Nam của bài thơ.

Việt Nam toàn bộ không khí gợi những không gian thời gian cụ thể với những thực thể của đời sống người Việt, đời sống tác giả.

“Tôi lại đi...

*Giữa cái nông hình dáng lưng tôi, một bảng đen trước mặt,
một vòng*

*phấn dưới chân, dính dính ... những con 8 lộn dọc nhãn thím nam
châm*

gói trong hạt thóc giống của không biết.

*Tôi khắc biết mênh mông một cái ben Epicure ngập chừa trường bốn
phía cơn mưa tu lơ khơ xanh đỏ con sập sành - bọ ngựa bám vào
nhảy tung!*

công đi chơi trên lưng Nilông - Cactông của Định mệnh!

Tôi hề biết
 /Kể cả quả mít nứt
 Tôi đã tìm ở sau cái gương/ cũng không có gì hết
 Tôi đã tiếp đau thương những nhỏ nhỏ thường thường
 Đã húp ra đi từng bát những nhạt nhạt mềm mềm
 và rất ngon.
 Tôi đã bưng
 Nhẹ thôi.
 / một nông nghiêng cơn mưa ở trên lưng alfa
 công tôi Uynh đơ toa... tôi công phạt alfa.
 Có lẽ det. Bởi ở trên ngực, cứ thình thình một tiếng đập.
 ...”

Đặng Đình Hưng đã điềm nhiên đưa những từ ngữ, khái niệm hiện đại và quốc tế như *Epicure*, *tu lơ khơ*, *nilông-cactông*, *alfa*, *Uynh đơ toa* vào chung sống với những cái *nong*, *hạt thóc giống*, *con sập sành bọ ngựa*, *quả mít*... thuần Việt, đúng như sự chung sống của quá khứ và hiện đại trong thực trạng đời sống. Với thế hệ sinh ra và lớn lên ở những đô thị lớn, chắc từ *nilông-cactông* quen thuộc chẳng kém gì *quả mít*, và dĩ nhiên quen thuộc hơn cái *nong*. Còn hình ảnh *công phạt* và *cơn mưa tu lơ khơ* chỉ có thể gợi cảm với những ai có tuổi thơ trường tiểu học trước và sau Cách mạng rồi lớn lên trong đời sống tập thể kháng chiến và miền Bắc trước 1975. Chính những giới hạn cụ thể ấy khiến bài thơ không sa vào *lieu commun*.

Bản sắc Việt Nam của *Bến Lạ* ở cú pháp không duy lý, những kết hợp trong đó chức năng các chữ lẫn vào nhau tạo thành một trường đa tương tác gây nên tính đa nghĩa của câu thơ.

“*một nông nghiêng cơn mưa ở trên lưng alfa công tôi*”

Bản sắc Việt Nam ở sự thực thể hóa tài tình và bất ngờ những cái trừu tượng:

“*hạt thóc giống của không biết*
 “*đã húp ra đi từng bát những nhạt nhạt mềm mềm*” (*Sự ra đi trong mơ*
tưởng bắt lực của kẻ nằm khuôn lưng cái nong, có thể húp từng bát, mới vô vị làm sao. Nhưng sau khi ngẫm nghĩ, bỗng buông lời tự dối “Và rất ngon”).
 “*Công đi chơi trên lưng nilông-cátông của Định mệnh*” (*Định mệnh*
này hóa ra cũng đồ bỏ, đồ chơi!).

*“Hễ mưa
một cái túi to
tôi ra đường vô sọc”*

(tai họa nhiều như ếch sau mưa, con người hóa cái túi đựng tai ương).

*“Bao giờ về quê trong
khoanh một cái ao giặt áo cả ngày” (Ô Mai)*

(đời đục quá, phải khoanh một cái ao tâm tưởng).

Bản sắc Việt Nam ở những kết cấu đặc biệt của tiếng Việt được dùng với sáng tạo bất ngờ: “Tôi quên, là quên hết...”, “mỗi ăn xong lại một rửa mồm”.

Và trên hết, bản sắc Việt Nam ở nhạc tính bên trong thật phong phú nhờ phối âm các từ ngữ, nhất là khai thác khả năng gợi cảm của ngữ âm các từ láy, các từ tự tạo:

*“Thứ bảy giờ dâng
Mâng lại mùa mâng (Ô Mai)*

(thời gian biến thành không gian, thời gian chín như nổi niêm da thịt).

*“Hôm qua, tôi ghé alfa
Alfa không có nhà
Ô gặp nhau rồi, sao vẫn cứ li
một nắm hạt khuya rắc vào bến lạ
Đời gì
Sao cứ đi đi, những cái va li cứ về Bến lạ!”*

(Nhạc tính ám ảnh của đoạn kết *Bến lạ* dựa trên hai chủ âm *a* và *i* lặp đi lặp lại như những bước chân buông hồ hững hờ về cõi khác trong khi lòng còn chưa nguôi thắc mắc về sự phi lý của kiếp người).

Một lời kết

60 năm sau cuộc Cách mạng Thơ Mới, thơ Việt Nam lại đứng trước một thách đố lớn lao trước bước chuyển lớn của lịch sử. Lại thêm một dịp để thấy bản sắc dân tộc không hình thành một lần rồi xong.

Bản sắc dân tộc có nên được giữ gìn theo kiểu người già giữ bát hương trong khi dân tộc đang ở tư thế chàng trai xông vào trận mới? Trong thể hai mặt của bản sắc dân tộc, nhà thơ chúng ta chọn vị thế nào?

HOÀNG HƯNG

MƯA ĐÊM

Lâu quá mới có một đêm mưa không đầu rơi vào đầu vào cổ
Nhớ những đêm lang thang chợ Bắc Qua ga Hàng Cỏ
Một trăm bạc rượu tới Thiên đường
Lần đầu lén lút bán tem gạo
mua cái sầu giữa phố

Tuổi ba mươi như con trẻ
Mất tâm vì cô điếm ế.

Kiếp tha hương nửa đời vật lộn
Sống chỉ còn như một thói quen
Trời phương Nam đêm nay sao rét Bắc
Cho ta thêm một ly đen
Rủ rê ta những giọt mưa đêm
Nhưng xe máy lang thang thì thua xe đạp
Ta năm mươi rồi đầu thế cùng em...

Dạo ấy ba mươi ta là thi sĩ
Bây giờ thèm khát một câu thơ
Khi đời sống làm mình hóa đá
Bỗng rùng mình vì một hạt mưa

DU TỬ LÊ

HOÁN VỊ

gửi Nguyễn Phan Cảnh

1.

chẳng ai nói với tôi
trừ những con đường
trang sách đời: tình khôi
mỗi mùa một bài học buồn, vui rất mới

tình yêu dậy ngọn đèn/bàn/ghế trống tập hát
bài ngợi ca niềm lãng quên

tình yêu, đường xá, ghế, bàn, ngọn đèn, đêm tối:
hát cho tôi nghe
bởi chúng thấy tôi
chính là niềm lãng quên lớn nhất

2.

chẳng ai gọi tên tôi
trừ gió, lá
chó, mèo
chung cư/xa lộ/giấy dếp/áo quần như bản...

tình yêu dậy tôi ôm/ấp/cầm/nắm

tình yêu ấn vào tay tôi
chiếc gậy trắng của người mù
bảo tôi: này anh gốc
hãy lên đường bằng những móng muối của mình
bởi trái tim là gò mộ cuối cùng
(sau gò mộ thai nghén mọc lên từ bụng mẹ)

3.

chẳng ai vuốt ve tôi
trừ hàng cây
ven đường dẫn về kiếp mộng

tình yêu dạy tôi ngắm nhìn
bóng mình
âm bản nhân dạng
thể lên tàu tốc hành
với vận tốc ngang bằng ánh sáng

4.

tình yêu bảo tôi
lớp học chiều
chấm dứt

chẳng ai chia tay tôi
trừ chiếc bóng
với vận tốc gấp đôi ánh sáng
biệt ly căm
như tội ác và lòng phản bội
di truyền trong em
dạy tôi
điều bản thiện

9.94

HUYỀN MẠNH TIÊN

GỬI TẮM

Bổ đôi hạt thị cứu lưng
Ai dè dao lặt toạc đường tử sinh
Ruột mềm máu chảy vô minh
Công chưa thâm hậu nên đành ... hến câm

Thôi thì hạt ấy tẩm nằm
Ta về quan bố huyện công. Không chừng.

LA MINEUR CHO CLÉ DE SOL

I.

Cầm quyền
Không có nghĩa là kiêm cả
Cầm bút cầm cọ
Cầm còng cầm cộng
(Cầm cu ... chó đá)

II.

Cầm bút
Không nhất thiết phải
Cầm dao cầm búa
Cầm giầy cầm dép
(Cầm hôn... trở giá)

III.

Đọc thơ/sách/báo
Không đồng nhất với
Cầm thìa cầm thưởng
Bới sạn rượt mọt
(Cầm nhàn ... sinh tật)

IV.

Cầm tay cứng
Chưa chắc là ôm được cứng hoài
Ôm hoải ôm hoài
Ôm trọn vòng tay
(Biết đâu ... ngày mai)

TÍNH PHI TRUYỆN

Phan Tấn Hải

Khi thơ không còn dùng để kể chuyện, đó là khởi đầu vào tính phi-truyện. Bài viết này sẽ tìm hiểu tính phi-truyện trong thơ, và như một nối tiếp bài đã đăng trên *Tạp Chí Thơ* số mùa thu 94.

Chúng ta không dùng chữ phản-truyện để nói lên như có gì phải đối kháng, phải phủ nhận, phải đương cự. Thơ không liên hệ gì tới các chức năng chống đối này, mặc dù chính nhà thơ có thể tự khoác cho mình vai trò đó.

Thơ cũng như nước, ở đâu cũng phi hình dạng, một màu bình đẳng, nhưng ở bình tròn thì tựa dáng tròn, ở bình vuông thì như dáng vuông, đưa vào ly thì mang dạng hình ly, đổ vào câu sáu tám sẽ mang dạng lục bát, ném vào vần bảy chữ thì có dáng thất ngôn. Thơ thực sự là vô-tướng. Nhưng ly hình tướng, tức lia ngôn ngữ, thì không còn thơ. Vì vậy, thơ không gọi được là vô tướng hoặc hữu tướng. Cũng có thể nói, *thơ* tương tự như *đời sống*, trong nghĩa đời sống gắn liền với hiện tượng, biến diễn muôn hình vạn trạng, nhưng thấy cái hiện tượng muôn hình vạn trạng chưa thực sự đủ để nắm bắt cái gọi là đời sống.

Tại sao không gọi là phản-truyện, mà nên dùng chữ phi-truyện?

Bởi vì phản-truyện, tức phản-kháng-tính-truyện trong thơ, ở một góc độ nào cũng tự thân mang tính-truyện rồi. Nếu không, chúng ta sẽ không có đủ lý luận để phản kháng. Và để cho lý luận thuyết phục được, thì tự thân tính-truyện phải đầy đủ; nếu không, sẽ chẳng có độc giả nào hiểu được và lý luận sẽ không mang đủ sức mạnh phản kháng. Thử tìm một thí dụ để dẫn chứng cho lý luận này. Khi chúng ta phản kháng tính-truyện, thì phải tìm một số luận cứ hoặc dẫn chứng để thuyết phục người đọc rằng *tính truyện không có liên hệ gì tới thơ*. Và khi phải thuyết phục thì cần được hiểu, hay ít nhất cũng phải trình bày trong một văn mạch hợp lý. Như vậy chính chúng ta đã hồi phục lại tính-truyện trong chính các lý luận phản-truyện.

Do vậy, khi dùng phản-truyện để phá hủy tính-truyện thì tự nhiên đã dựng lập một lâu đài kiên cố cho tính-truyện. Cách phá hủy tính-truyện duy nhất là đứng rời cả có và không, tức xa lia cả tính-truyện lẫn phản-truyện, cách khác nghĩa là phi-truyện. Lý luận này gần với lý luận Bát Nhã: chống với Có thì là Không, nhưng tự thân khi chống cái Có thì lại đã

dựng lập cái Có; phải xa lìa cả Có và Không, mới thực sự là đứng ngay trên cái đời sống chân thực.

Tính truyện, không cần phải đầy đủ cả bài thơ hoặc một coat truyện, cũng có thể hiển lộ ngay trong một câu sáu chữ (Thí dụ đã phân tích kỳ trước: *Gìn vàng giữ ngọc cho hay*). Khi thơ còn giữ tính truyện thì đã mượn thêm một yếu tố khác (thường thì xúc động, hoặc ly kỳ, hoặc gay cấn) để tạo thêm sức mạnh cho thơ. Nhưng đời sống thực, có khi, hỗn loạn, khó hiểu, xa lìa mọi lý giải, vô trật tự—nghĩa là không gần, hoặc không có tính truyện.

Chữ tính-truyện trong Anh ngữ là *narrative*. Trong nhiều tự điển tiếng Anh không có chữ mang nghĩa *phản truyện* hoặc *phi truyện*. Tuy nhiên đứng về mặt tiểu thuyết thì trước kia có phong trào *anti-novel* (phản tiểu thuyết) bên Pháp nhưng thực sự cũng là một dựng lập khác cho tiểu thuyết. Điều này cho thấy quan điểm văn chương ở Âu Châu khác với Hoa Kỳ, ít nhất cũng ở nơi nhìn về *tính truyện*.

Đời sống thực sự xa lìa cả tính-truyện lẫn tính-phản-truyện. Thơ là một phần của đời sống, do vậy thơ không cần dính gì tới tính truyện hoặc tính phản truyện. Thơ, nó thì như vậy; chúng ta chỉ có thể nói thế. Nếu may mắn, đời sống bỗng nhiên xảy ra giống như trong tiểu thuyết thì cũng giống như trúng số độc đắc, và cũng không có gì buộc nhà thơ phải kể lại mảnh đời hiếm hoi đó. Hãy để cho các ông Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu làm điều đó, điều mà họ đã xem tính truyện ngang hàng với tính thơ.

Thử xem một thí dụ, ta gọi là câu I:

Tôi về Hà Nội một đêm

Câu vừa viết trên mang đầy đủ tính truyện: có một nhân vật xưng tôi (ngôi thứ nhất); có một hành động (về); có một không gian (Hà Nội); có một thời gian (một đêm); và có một trật tự văn phạm hợp lý để người đọc thuận theo dòng văn, không cần ngưng lại mà thắc mắc về chữ, về nghĩa, về ký hiệu, về cái được ký hiệu, hoặc về cấu trúc.

Thử biến đổi câu trên thành, ta gọi là câu II:

Hà Nội một đêm tôi về

Câu này đặt theo cấu trúc văn phạm nghịch đảo (bởi vì các mệnh đề bổ nghĩa đứng trước chủ từ và động từ). Câu này cũng có đủ nhân vật, hành động, không gian, thời gian; nghĩa là đủ yếu tố để cứu mang tính-truyện. Chỉ khác biệt là không theo văn phạm truyện kể ngoài đời, buộc người đọc ngưng

lại một đôi chút vì ngạc nhiên, vì thấy không thuận với thói quen ngôn ngữ thường nhật, và có thể buộc phải đọc lại để nắm rõ hơn—không phải điều tác giả muốn nói gì, mà là điều câu sáu chữ này nói gì, và có thể phải cần đổi chiều thêm trong một văn mạch. Tính truyện trong câu này đã bị giảm bớt.

Và thử biến đổi câu trên thành, gọi là câu III:

Một đêm Hà Nội tôi về

Câu này cũng gần với câu vừa nói bên trên, nhưng khác biệt là gây mơ hồ, khó hiểu hơn; tức tính truyện bị giảm trừ thêm một bậc mặc dù không có chữ nào bí mật cả. Điều mơ hồ ở đây là, người ta không biết chính xác có phải chữ *Hà Nội* bổ túc nghĩa cho *một đêm* hay không (có phải một đêm mang không khí Hà Nội, hay là vào một đêm và với nơi đến là Hà Nội). Nếu dùng tiếng Anh hẳn sẽ chính xác hơn, nhưng tính thơ lại gắn liền hẳn với đặc chất của ngôn ngữ nhà thơ sử dụng với nhiều điều không thể phiên dịch hoặc chuyển ngữ.

Có thể thấy, ở câu I điều được chú ý nhất là *Tôi về*; ở câu II được nhấn mạnh trong toàn câu là *Hà Nội*; và ở câu III, có vẻ như ý chính lại là *Một đêm*.

Nếu dùng câu I, thì chỉ như muốn chuyển ý, muốn truyền thông, như văn nói. Nhưng nếu dùng câu II, thì có thể làm shock những người vận động cảm dư lịch Việt Nam. Và nếu dùng câu III, thì lại nhấn mạnh nghĩa âm thầm, u ám, gợi ngay tức khắc nghĩa cho người đọc thấy là len lén, không phải về ban đêm. Tuy nhiên đó chỉ là vấn đề khác, ở đây ta thấy một kết luận, *khi không chú ý tới tính truyện, thì sẽ buộc người đọc chú ý nhiều hơn tới ngôn ngữ*.

Nhưng có thể có một ngôn ngữ (thí dụ ngôn ngữ thơ) hoàn toàn xa lìa tính truyện? Nếu điều đó xảy ra, thì người đọc sẽ hoàn toàn chú ý tới ngôn ngữ, và có thể sẽ không hiểu thực sự nhà thơ muốn nói gì. Tuy nhiên, trong ngôn ngữ hội họa, tính truyện có khi đã hoàn toàn bị phá hủy, và các phương tiện hội họa (màu sắc, đường cong, đường thẳng, các khối hình...) tự thân trở thành một hữu thể nghệ thuật, chứ không còn để trình bày, giải thích, mô tả một cái gì khác. Hiện thời, chúng ta chưa thấy điều này cho thơ. Thơ phần nào vẫn mang tính-truyện, dù có đang khó hiểu cách nào đi nữa. Lý do có lẽ thật đơn giản: ngôn ngữ tự thân đã mang tính truyện dù nhiều hay ít. Và nếu có ngôn ngữ nào xa lìa tính truyện thì lại không nằm trong các bộ tự điển, mà chỉ còn là những âm thanh bí mật, một kiểu thần chú chẳng hạn. Tới đây chúng ta có thêm một kết luận, *phá hủy tính truyện, nếu có, chủ yếu sẽ nằm trong cấu trúc văn phạm, chứ không chủ yếu ở những chữ bí mật*.

Câu hỏi nơi đây sẽ là, nếu thơ thực sự là vô tướng, nếu thơ thực sự là

xa lạ tính-truyện lẫn tính-phản-truyện (tạm gọi là phi-truyện), thì có cách nào hình dung được một cấu trúc thơ? Trước tiên thử nói về đời sống, bởi vì thơ sinh khởi và được doing lập từ đời sống. Thơ cũng như đời sống, cùng mang tính vô tướng (nghĩa là không có hình trạng, hoặc một nghĩa khác sẽ là mang đủ muôn hình vạn trạng), cũng như không tự thân có tính-truyện mà cũng không cả tính-phản-truyện.

Chúng ta không thể giải quyết vấn đề này nếu thuần túy đứng về mặt hữu tướng. Bởi vì nếu cho đủ chữ vào các thể lục bát, thất ngôn, tám chữ... cũng chưa hẳn đã là thơ. Nếu vậy thì đã quá dễ. Tuy nhiên, nếu phá hủy các thể trên, hoặc cứ ngắt thể lục bát thành dăm bảy câu thì cũng chưa hẳn là thơ. Cấu trúc thơ, nếu có, không nằm ở các kiểu trên. Nhưng nếu đứng về mặt vô tướng thì ngôn ngữ và lý luận hiển nhiên là bất cập.

Hoặc thử đi tìm một phương pháp khác, xem có thể tìm được cấu trúc của cái không-thơ chẳng? Cách lý luận này nếu có, hiển nhiên cũng không thể chỉ danh đúng được cái gọi là cấu trúc thơ, bởi vì chỉ danh được một trăm anh phi-dân-tộc cũng không có nghĩa là tìm được một anh dân-tộc. Đơn giản, thơ và cái không-thơ không đối nghịch nhau, nhưng đã có sẵn cả hai trong ngôn ngữ và đời sống, cũng như sương mù và nắng ấm trên mặt biển; khi cái này tràn ngập thì cái kia bị xua đi, và ngược lại. Những lý luận trên nhiều phần trái nghịch với cách nhìn của nhà formalist, nhưng không phủ nhận khía cạnh cái đẹp vẫn có thể độc lập với xã hội.

Nhưng thơ cũng không thể là ngôn ngữ hỗn nhiên, không cần tập luyện; điều này nếu đúng, có lẽ chỉ đúng cho một số nhà thơ của Beat generation, nhưng nếu nhìn quá trình trưởng thành, rèn luyện hẳn phải ảnh hưởng tới cái gọi là hỗn nhiên này—Có phải đây là giai đoạn trở về ngây thơ của những con sư tử? Chúng ta cũng thấy, nhiều bài thơ hay vẫn do từ vật vả máu xương mà nên. Thử xét lại tiến trình hình thành một bài thơ, phải do từ suy nghĩ của nhà thơ mà nên, và khó thể nói rằng suy nghĩ này là xuất thần (do Trời đem xuống) hoặc là thơ đại (vậy còn ba hoặc bốn mươi name trưởng thành để đâu). Tới đây, chúng ta gặp thêm một đầu mối, ngôn ngữ thơ hình thành từ suy nghĩ thơ. Cách khác, không có suy nghĩ thơ, nhận định thơ, đôi mắt thơ, cảm xúc thơ, thì sẽ không có thơ. Điều này vẫn chưa giải quyết được vấn đề, bởi vì có rất nhiều người có cảm xúc thơ nhưng lại không làm thơ được. Tuy nhiên, cốt tử đã tìm được là, phải có suy nghĩ thơ thì mới có thơ. Và suy nghĩ thơ, hay một vận hành của tư tưởng, cũng là một thế giới của mịt mờ—hệt như trên đã viết—không có liên hệ tất yếu nào với vô hoặc hữu tướng, tính truyện hoặc tính phản truyện cả.

Vấn đề còn lại chỉ là, thế nào là *suy nghĩ thơ*, chứ không phải là *làm thơ*. Thấu đáo chỗ này sẽ có thể đối toản triệt cái thế giới kinh hoàng này, và đó là chức năng cao quý nhất của nhà thơ.

HOÀNG PHỦ CƯỜNG

TINH KHÔI

nổi tiếng thờ dài vào nhau
lấp đường nhẵn trái đất

xô xuống những hình nhân bằng rác
tinh khôi vừa
trữ sương áo mới
đầu lười vị còn chua của lá

kéo nốt chùm sao vừa loé
núi thẳng đường chân trời
bạt
tiên tri ai xứ xứ cầm
lòng
giật mình
xô ngã giấc mơ vừa chớm.

SÔNG TRƯA

bài hát trên sông trưa
đôi mắt đầu cá chết
ghì siết nhau
chảy xiết miên cầu
thu hẹp đường
giữa trưa
vừa nhớ
sự thực, còn không bỏ lại
tiếng quẫy cánh chim ngang
một chặp

bám vào không
lòng tay đầy cát
bến kia sân bát tràng lấm mỡ
vành cung hồng sót mưa bay
tiếng mông lung đường xế,
về chiều
lay thức bụi
ấm hơi
tàn giãc.

KHOẢNG CÁCH

Ánh sáng mở ra đôi cánh gỗ
Nhựa rút từ nguyên lòng đất
Thớ mới tạo hoa
Quả im khuya mật
Chim bay lòng cửa ngang đóng chặt
Núu mãi đường quen
Bịt mắt ngồi bên lòng vực
Bóng tối cành cây hắt đội lưng trời
Bờ bến cuộc phiêu lưu tìm bóng
Gỗ thức cùng đêm
Vui cùng đá.

THƯỜNG QUÁN

TRONG BÓNG TỐI CĂN VƯỜN

1. tôi bước ra bóng tối căn vườn
những ngày mưa xuân sẽ còn rơi
bây giờ một chút ngưng tạnh
tiếng chim sâu một mắt chim không thể ngủ
nằm kêu bài hát thắm xanh trong thắm thắm rừng cây
tối tăm

2. than củi đã hết trong nhiều năm
những rừng cây biết

3. hơi ẩm của đất đai
cho vay mượn lại phút chốc tha thiết

4. xóm làng ngủ yên tôi đi tìm một mẫu giấy
một nến điện trắng bỏ quên dưới xa
người hàng xóm không quen vừa thức dậy

5. tôi nhìn lên bầu trời nền mây

che dày kín trừ một lỗ
hổng vừa đủ cho một vì sao
và bỗng nhiên hạnh phúc

6. vì cuộc trò chuyện thì thào của
một mắt chim
một nến điện dưới thấp
một vì sao trên cao
nền mây dày cho phép

7. như một hôm người ta cho phép tôi một tờ giấy
để đi về quê
đi trong bóng tối một hai ánh điện
sau bức tường những căn nhà thật nhỏ
lạ ai đó khóc

8. đêm tối ở Hà Nội cũng tối tăm
từ căn hộ nhỏ của anh Phùng Quán
bước ra bìa hồ ngó qua đường Cổ Ngư
thấy một căn nhà có đèn nê-ông trắng hắt xuống nước
bỗng quay đầu đi vô

9. căn nhà cuối vườn
khi tôi ngồi canh gác giấc ngủ mẹ tôi
ở bệnh viện nội thương
góc đường Hùng Vương Đà Nẵng
gần tháp nước nhà đèn
những năm 60
ngày ấy là mấy tuổi?

10. đời sống tôi không dám ngó lâu.

TRÍCH

Khế Iêm

1.

Bài thơ bước từ thế giới không có, vào thế giới thực tại. Và như thế, bài thơ thị hiện sự nối kết mang tính nhân quả giữa những thế giới khác nhau, vắng mặt và có mặt. Nếu chỉ thuần bằng kinh nghiệm thực tại, mà vốn dĩ đời sống đã mỏng manh, chúng ta chỉ tạo nên những hiện tượng, và đánh mất chiều dài của thời tính. Dù rằng, bài thơ sớm hay muộn cũng phải chấm dứt, không phải do giá trị của nó, mà bởi chính nhà thơ, kể lúc nào cũng muốn nhấp nhộm tuyên án tử hình đứa con khai sinh. Chẳng phải bài thơ đã hiện hữu trước khi chúng được phát hiện hay sao? Chúng ta đã phải trầm tư rất lâu trong thế giới thực và phi thực. Chúng ta cũng đã sống trong khoảnh khắc bị chà sát giữa kịch và phi kịch tính, để tiếng nói được cất lên.

Chẳng phải vô tình mà những dòng chữ hiện ra, và những khoảng cách ở mỗi dòng, có phải là biểu hiện cho một thế giới trống không, nơi đó người đọc có thể kiến tạo một thực tại khác? Hạnh phúc và tai ương, chia xẻ và hòa nhịp, cùng mời mọc phiêu lưu. Chúng phá vỡ sự phân ranh mà bấy lâu nay người đọc và người viết vẫn đứng ở hai đầu bờ vực khác nhau. Thơ là một hành trình mở, không thể đóng kín. Sự thụ động tạo ra phân hóa và thơ, như cánh bay là đà trên mặt đất.

2.

Giá trị bài thơ không nằm ở chỗ, lập lại kinh nghiệm truyền thống, mà là vừa tiếp nối vừa đoạn tuyệt. Sự cảm nhận và kiến thức tích tụ từ bao năm, đưa tới sự thiên lệch. Đọc thơ là tiến trình mang tính nghi lễ. Đó là sự thể nghiệm, phá hủy mọi kiến trúc có sẵn, bên trong

ta. Chúng ta có thói quen vay mượn và phản ánh các bậc thầy, nay đã ra người thiên cổ. Chúng ta sống như một cái bóng và chưa có can đảm quơ môi lửa, đốt đi hình nộm là hình ảnh của chính chúng ta. Sự lột xác có khó khăn nhưng là một thách thức.

Bài thơ phơi bày sự thực, một nỗ lực không ngừng về ngôn ngữ và cách thức. Thơ là một ngôn ngữ nói, được chất lọc từ hiện thực. Nhưng có một bí ẩn mà chúng ta không hiểu nổi. Ngôn ngữ là một mạch ngầm chứa đầy ma lực. Chúng ta đã tiếp thu đời sống và nói lại bằng tiếng nói khác? Chẳng phải là những bậc đại sư đã nghiền nát thực tại để đi tìm chân lý đó sao? Chúng ta không thể dùng lý luận để biện bác thơ. Bởi vì chẳng khác nào lấy cái hữu hạn đánh lừa cái vô hạn. Chỉ còn cách, mở ngõ cánh cửa bước vào nơi chúng ta không hề biết trước.

3.

Trong chúng ta, mấy ai đã từng, *cũng liêu nhắm mắt đưa chân*, đu dây giữa hai bờ sinh tử. Thơ là cuộc viễn du đến tận cùng, như cánh chim thiên di tới mùa đi tìm đất lạ. Dù rằng, chúng ta hủy thế này để cuối cùng, cũng chỉ nắm bắt được một hũy thế khác. Cuộc biến hóa triền miên ấy, bật sáng ý nghĩa, thực tại chẳng khác hơn, cũng bị ném vào vực thẳm. Nhưng chúng ta vẫn cứ ương ngạnh tìm cách biện giải về thực tính thơ. Đơn giản hay huyền hoặc đều rơi vào cái bẫy của phi lý. Có điều thi sĩ, hẳn không hề biết, hẳn đang làm thơ. Đó là lúc, hẳn buông mình theo một sức hút tựa như sức hút của trái đất.

Như vậy, chúng đã ta có thể phủ tay mọi chuyện, thông dong dẫn xác vào hang hùm nọc rắn. Đứng hay sai, đành hạ hồi phân giải.

4.

Thơ đứng trước một lưỡng nan. Sự ngộ nhận từ nhiều phía, như mũi tên làm rướm máu. Nhà thơ, hẳn ngoảnh mặt, đi tìm một thứ thời gian chưa hề có, một thế giới chưa có tên gọi. Hẳn là kẻ bình thường ở chốn không bình thường. Điều này hiểu tại sao, hẳn luôn luôn bị đẩy vào tình huống mang đầy tính bi kịch. Hẳn phản ứng và bằng ngôn từ bất cho được cõi trống vắng, nơi không có cả con người lẫn sự vật. Bởi chỉ như thế, hẳn mới cảm thấy có tự do. Oái oăm thay, tự do là thứ không thể định nghĩa, ăn, nhai, nghiền, nuốt, một ảo tưởng. Vì chính hẳn cũng là một thứ ảo tưởng khác.

Nói cho ngay, nhà thơ, hẳn là kẻ đáng bị kết án và nguyên rửa.

KHẾ IÊM

CỎ NGÀN

sa

vào nơi lẫm
than

túm được miếng gió rách
rười
ngoài đầu
đường

tọng chặt họng

rơm rác và cả cơn cơ
đầu cua tai nheo

há
miệng cho chim chóc nhạt nhẽng
cọng mây giắt răng
và phiêu hốt về một đồng

cỏ ngàn hỡi

QUAY

vòng tròn vòng tròn lại vòng tròn

tích tắc
kim đồng hồ
quay

phiêu phiêu như mai
sau

bị đóng đinh ở khoảng lưng chừng
giữa nguyệt và nhật

thực

CHỐNG GẬY

nằm vạ ngoài hè

phố

co

đuổi một chân
đồng thời ném mẩu thuốc ra ngoài không

gian

ngủ theo kiểu bị tẩu hỏa nhập ma
và thức bằng cách chống gậy
tìm
cho được sự thực về nguồn gốc vì sao

sa

GIẬN

nói tận mặt
bằng cách ra dấu

đổ dầu vào lửa

hống

hách

nuốt giận và ném bực dọc về

cội

BẾN LỮ

bập bẹ lời chiều tàn
đã tàn

mong manh cánh hoa ngâu thơm

thoang thoảng

ngậm trong răng nụ hôn
và gắt gỏng vì nỗi đìu hiu đã đưa bước chân đi quá xa mép rìa
của bến lữ

ĐÀO CHÁNH?

Nguyễn Hoàng Nam

Thơ, tự nó đã bao hàm tự do và mới.
Tự do nghĩa là cá nhân.

Mới nghĩa là hành trình của thi sĩ liên tục tự bỏ mình lại sau lưng.

Căn bản này tới nay vẫn còn khó hiểu đối với nhiều người. Là một dân tộc chậm tiến điển hình, người Việt Nam luôn cần một tập thể để nấp vào, và mọi thay đổi đều phải bằng mô thức quân phiệt cố hữu. Văn chương nói chung và thơ nói riêng cũng bị nhét vào khuôn rập đó.

Mỗi khi mới xuất hiện một thi sĩ, một tạp chí, bộ đồ nghề rỉ sét lại được lôi ra để đo lường, định nghĩa, xếp loại, chia phe. Chưa đủ. Còn đòi hỏi phủ nhận, lật đổ, tuyên ngôn, lập tân chính phủ.

Những thứ này chẳng dính dáng gì đến thơ. Nghĩa là chẳng có gì tự do và chẳng có gì mới cả. Trước hết phải biết như vậy nếu chúng ta thật sự muốn thoát khỏi cái đáy giếng, cái đầu óc ghetto. Phải biết như vậy trước khi chúng ta mở miệng nói hai chữ tự do với những người cầm bút trong nước.

“Tôi phủ nhận Sáng Tạo, thơ Đường v.v.” là một câu dễ nói trước microphone hoặc sau vài chai bia. Nhưng nó vô nghĩa. Nó chẳng giải thích, chứng minh được gì ngoài nỗi ám ảnh và sự gián tiếp công nhận, cũng như bệnh si mê nhãn hiệu vĩ đại—sao không phủ nhận “Em chưa đá mà hồn anh đã ướt” chẳng hạn?

Hơn nữa, vị trí của những “Liên đêm mặt trời tìm thấy” hay “Hoàng Hạc Lâu” là trên kệ sách thư viện. Khi cần tới lục, ngày thường tôi để yên.

Khi nói về một “school of thoughts,” chúng ta hoàn toàn ở trong phạm vi tư tưởng và lý luận. Nhưng hề chúng ta nhắc đến “trường phái” thì nó gần như đồng nghĩa với “bè phái” hay “chính phủ văn học tự phong.” Nghĩa là một tập đoàn lên gân cổ đồng ca tuyên ngôn và hiến pháp vào loa thiếc. Nghĩa là muốn lên phải có dấu đóng của chúng tôi. Và dĩ nhiên phải có tham nhũng, phải có cà phê hũ tiếu, kê khà thù tạc. Chưa lên sẽ

thổi phồng, lu mờ sẽ đánh bóng.

Theo tập quán quân phiệt đệ tam quốc gia, trường phái cầm quyền bị một trường phái khác lật đổ, khai tử hoặc đưa về vườn một số tên tuổi, và tất cả trở lại từ đầu.

Sự tự mãn của trường phái và sự nô lệ vào đạo đức tập thể đã trói chân thế hệ trước. Ngay cả tư tưởng lãng mạn cũng không những chưa được thấu triệt, mà những mảnh vụn còn bị khử trùng. Hậu quả là cho đến giờ người Việt Nam vẫn nghĩ rằng thơ phải là trình độ trung học, những tính từ hoa lệ, ý tưởng ngây thơ, và tránh né tình dục.

Nhưng biết như vậy không có nghĩa là tôi cũng sẽ lên gân cổ gào những tuyên ngôn và lại cũng tự trói mình vào đó. Vả lại, thơ của tôi đã nói.

Tòa lâu đài của thế hệ trước không phải để tôi phá đổ hay vượt qua. Văn, âm điệu, những ý mồn, những hình ảnh cố hữu v.v., cũng là những công cụ đòi hỏi sự sử dụng chính xác. Và từ ngữ không bao giờ là tư sản.

Tòa lâu đài của thế hệ trước là nơi tôi ghi chép kinh nghiệm và trông những người bên trong thoát ra ngoài và tiếp tục cuộc hành trình của mỗi cá nhân họ.

Sự tập hợp của ban chủ trương tạp chí này, những người khác nhau từ gốc gác, đời sống, kinh nghiệm, cho đến cách diễn tả và ngôn ngữ, không phải là sự hình thành của một trường phái.

Mà là những lối đi rời xa đàn cừu.

NGUYỄN HOÀNG NAM

HÔM NAY

suốt ngày
tôi nuốt
nhiều cà phê
tĩnh dừ
giặt
giặt
tìm mỗi một
lọc cọc
hơi thở
ngấn
càng ngấn
hơn nữa
bụi bện
đầy lông mũi

mẫu thuốc co quắp đen đũi nghi ngút hắc ín
làm khói nhang cho những xác chết của tôi

chiều bầm đen
lấy bầy
lan
vi trùng
sốt rét
giặt
giặt

bụi bay mù
nhưng
mắt vắng tanh
có ai
mùa đông
nguyên tử

mỗi ngày một xác tôi cong queo chết vô ích và vô nghĩa
cho mượn lại cái áo len ấm chua vàng bệt giấm cắn lủng lỗ

mới hé
kẽ mí
giọt
giọt
lại hừng
sáng đen bầm

mẫu thuốc bị dụi thêm mấy cái vãn không chịu tắt hẳn

HẠNH PHÚC

Đổ vỡ luôn có sẵn từ đầu.
Nên chúng ta còng tay vào
nhau, hai kẻ khiếp nhược
mừng rỡ tìm ra cơ lẫn trốn

cái lạnh của đêm sâu.
Chúng ta còng tay vào
nhau, cái nghi thức mỗi người
cùng quẳng thật mạnh thật xa

cái bật lửa. Chúng ta dáo dác
nhìn quanh biết chắc lúc nào
cũng có sẵn những đồng loã khác
và vội vã mỉm cười mẫn nguyện.

ĐỖ KH.

TRONG TÚI VIỆT KIỀU
CÁI GÌ TÔI CŨNG CÓ

Túi Việt Kiều, cái gì tôi cũng có
Ngăn thứ nhất tôi để tiền nhỏ
Giấy hai trăm để cho ăn mày
Đây...
Nữa...
Đây...

Ngăn thứ hai để hình bên Tây
Nào diệu kì văn minh hiện đại
(Sang bên này ngồi cho dễ thấy)
Lầu tôi ...
Hồ bơi ...
Nước chảy ngược và đèn cháy xuôi

Ngăn thứ ba tôi để kỉ niệm
(Những thứ này linh thiêng)
Ngăn thứ ba tôi để kinh nghiệm
(Những thứ này rất hiếm)
Bây giờ thay đổi quá
Không khá
Việt nam là vậy...
Việt nam là vậy...
Việt nam là phải vậy
Việt nam không còn là Việt nam

Ngăn thứ tư tôi để tình cảm
Hồi những em hàng quán
(Mấy ăn mày làm ơn đi chỗ khác)
Trở về đoạn đầu - các câu bốn, năm, sáu - cho khuất mắt)

Coi chừng Mĩ
Coi chừng Úc
Coi chừng Triều tiên
Nhật bản
Túi Việt Kiều tôi để tình cảm
Ngồi bìa ôm đấm ra công kênh
Tôi không tay quơ (*) em vô được gần
(Làm cách nào cho tôi cởi quần)
Coi chừng Đài loan
Anh đây mới đích là Việt nam

Trong túi Việt Kiều cái gì tôi cũng có
Cần tới đâu tôi móc ra tới đó

(*) Quán Tiger - Tay quơ, điểm bìa ôm cao cấp ở S.G.

MAXIME ALEXANDRE

Diễm Châu

Maxime Alexandre sinh ngày 24 - 1- 1899 tại Wolfisheim gần Strasbourg. Là con một trong một gia đình Do Thái cư ngụ đã lâu đời ở Alsace, ông thuộc thế hệ những người bắt đầu cấp sách đến trường khi xứ này còn ở dưới triều Guillaume II, vua nước Phổ, hoàng đế nước Đức. Tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ văn hóa đầu tiên của ông là tiếng Đức. Nhưng khi ông vừa 15 tuổi thì Alsace lại thuộc về Pháp.

Cuộc Thế chiến thứ Nhất bùng nổ. Alexandre rời Alsace qua Thụy sĩ. Ở đây, dù ít tuổi, ông đã có dịp quen biết một số văn nghệ sĩ người Alsace như René Schickelé (1883 - 1940), Hans Arp (1886 - 1966) cũng như các nhà trí thức chủ trương hòa bình qui tụ quanh Romain Rolland. Ông cũng tiếp xúc với nhóm Dada (Tristan Tzara, Hugo Ball).

Trở lại Alsace sau đình chiến và trở thành một sinh viên Văn khoa của Strasbourg, thành phố của tuổi thơ nhưng cũng là một thành phố *đều đều, buồn tẻ và tầm thường* đến không chịu nổi, ông sống trải bi kịch của *thế hệ bị hy sinh*. Trong tâm trạng của một người tuổi trẻ *nổi loạn*, ông đã gặp Aragon ở Strasbourg vào năm 1923 và quyết định theo nhà văn này tới Paris.

Tại Paris, nhà thơ *tỉnh lễ* khám phá ra thế giới của những người *siêu thực*, một thế hệ cảm, nghĩ như mình. Ông tham dự các hoạt động của nhóm siêu thực; trong đó, theo André Breton, ông “đại biểu cho tốp người Rhénan và lãng mạn”.

Trong thời kỳ đầu ở Paris, Maxime Alexandre vẫn tiếp tục sáng tác bằng tiếng Đức. Năm 1924, ông xuất bản tập thơ văn xuôi *Zeichen am Horizont*, đề tặng Arthur Rimbaud. Nhưng dần dà ông tách rời trường lãng mạn và biểu hiện Đức để quay về với trường siêu thực Pháp. Kỹ thuật *viết tự động* của trường siêu thực đã giúp ông giải quyết một vấn đề gai góc trong đời (thay đổi ngôn ngữ), tự giải thoát và tìm ra một ngôn ngữ thi ca mới cho mình.

Vào cuối những năm 20 sang đầu những năm 30, Maxime Alexandre bắt đầu cho xuất bản những tác phẩm đầu tiên bằng tiếng Pháp: *Les desseins de la liberté* (1927), *Mes respects* (1931), *Le Corsage* (1931), *Secrets* (1932), *Mythologie personnelle* (1934), *Le mal de nuit* (1935), *Sujet à l'amour* (1937), *La loi immortelle* (1939). Theo một nhà nghiên cứu Pháp, Bernard Bach, xét về kỹ thuật cũng như chủ đề, các văn bản của thời kỳ này (được in lại vào những năm 70) nằm trong phong trào siêu thực. *Thay đổi cuộc đời, giải phóng hoàn toàn con người*, những khẩu hiệu quen biết của các nhà siêu thực, cũng là những gì Maxime Alexandre đang miệt mài theo đuổi.

Chuyện dẫn thân vào chính trị của Maxime Alexandre đã được cụ thể hóa bằng sự việc ông là *nhà siêu thực đầu tiên đặt vấn đề sáp lại gần đảng cộng sản. Khát vọng công bằng* đã đưa ông tới chỗ tham gia đảng trong một thời gian. Nhưng những cố gắng của ông đã tỏ ra vô hiệu. *Trong Ký ức của một nhà siêu thực* (1968), Maxime Alexandre viết: ... *đẹp biết bao chủ nghĩa cộng sản trước khi có người cộng sản* (!)

Năm 1933, Maxime Alexandre rời nhóm siêu thực quy tụ quanh André Breton, - có người cho là vì vụ bất hòa giữa Breton và Aragon, nhưng ông không chối bỏ trường phái này và tiếp tục theo đuổi một lộ trình siêu thực khá riêng tư, ở bên lề...

Vào Đệ Nhị Thế chiến, Maxime Alexandre trở thành binh nhì trong quân đội Pháp. Ông bị quốc xã Đức bắt làm tù binh và giam giữ ở Baccarat trong miền rừng núi Vosges. Trong lúc cáo bệnh nằm bệnh viện, tình cờ ông bắt gặp một viên đại tá Đức đang đọc một tác phẩm của ... chính ông và do đó, đã có dịp xin đổi về một bệnh viện gần Dijon. Trên chuyến tàu về bệnh viện mới, Maxime Alexandre đã nhảy ra khỏi xe lửa trốn thoát và tiếp tục cuộc đời ẩn tránh...

Chủ trương quốc xã với những hậu quả nguy hại đã khiến Maxime Alexandre ý thức thêm Do-thái-tính của mình. Ông tiếp tục tìm kiếm và, như đã tự phân tích trong *Nhật ký* (1975), cho rằng *công bằng* hay *công lý* là then chốt trong Do thái giáo và *bác ái* hay *tình yêu* chính là nền tảng của Thiên chúa giáo. Muốn đẩy xa hơn nữa Do-thái-tính của mình, tất nhiên ông đã chọn lựa *tình yêu*... Năm 1939 ông gặp bà Berthe, một người đã có chung nhiều kỷ niệm với ông ở quê nhà. Hai người lập gia đình và sinh được hai người con là Ariel và Sylvia. Có lẽ cũng chính vì tình yêu mà ông đã để mãi tới sau khi thân mẫu qua đời mới trở lại đạo Thiên chúa. Năm 1949, thi hào Pháp Paul Claudel có dịp trở thành *người đỡ đầu* cho Maxime Alexandre.

Thế tuy nhiên, cuốn *Nhật ký* in năm 1975 cho thấy, ông vẫn tiếp tục tìm kiếm. Ông không hài lòng với chính Paul Claudel, càng không thể hiểu nổi hành động của nhiều người *đồng đạo*. (*Cộng đồng* không làm

ông vui.) Và rốt cuộc cảm thấy mình trở thành một kẻ hoàn toàn xa lạ, ở ngoài lề... Ông tiếp tục sáng tác thi ca bằng Pháp văn và chuẩn bị cho in lại những bài thơ đã viết trong giai đoạn trước (nhất là những bài trong *La Peau et les Os*, Gallimard, 1956) chung với những bài mới trong các tập: *L'oiseau de papier* (1972), *Circonstances de la poésie* (1976) và *Portrait de l'auteur* (1978). Ông cũng trở lại với *tiếng mẹ đẻ* của thời kỳ đầu trong một tập thơ nhỏ với cảm hứng được coi như *tân lãng mạn*, tập *Durst und Quelle* (Cơn khát và Nguồn suối) in tại Thụy sĩ năm 1952.

Sau một cuộc đời luân lạc, năm 1967 Maxime Alexandre trở về Strasbourg để ở lại hẳn tại thành phố này. Trong những năm tháng cuối đời ở quê nhà Maxime Alexandre có cái nhìn thật *phê phán* đối với tình hình chung của Alsace, nhưng ông vẫn được các nhà thơ trẻ của xứ này rất kính trọng. Maxime Alexandre mất tại Strasbourg ngày 12 - 9-1976 và được chôn cất tại nghĩa trang Rosheim gần Molsheim, về hướng núi Nữ thánh Odile, *nữ thánh bảo hộ cho xứ Alsace, một thiếu nữ mù đã trở thành kẻ ban phát ánh sáng*, người mà theo lời của chính Maxime Alexandre, *không bao giờ ngừng cuốn hút tôi*. Trên bia đá đơn sơ chỉ ghi mấy hàng tên họ, ngày sinh và ngày mất...

*

Maxime Alexandre để lại mười hai tập thơ vừa bằng tiếng Pháp và tiếng Đức, mười hai tập văn xuôi, kể cả tập *Ký ức của một nhà siêu thực* và tập *Nhật ký* (chưa in hết), vở kịch *Người Do-thái lang thang* và nhiều bài nghiên cứu về văn chương Đức và các nhà lãng mạn Đức. Maxime Alexandre còn là người dịch thơ Holderlin và Hans Arp.

Paul Valéry, trong lời phát biểu khi trao tặng một giải thưởng thi ca cho Maxime Alexandre ở Paris, đã gọi ông là (*Nhà thơ*) *Virgil của trường siêu thực*. Louis Calaferte, nhà văn Pháp hiện đại (mới mất trong năm nay) trong thư gửi bà Berthe Alexandre (tháng 12-1992), cũng cho biết rằng mình không phải chỉ là người *ngưỡng mộ* mà là một kẻ *si tình* Maxime Alexandre, *một nhà thơ đích thực*. Có thể coi Maxime Alexandre như một người đã phối hợp đôi nét của trường siêu thực với khuynh hướng lãng mạn Đức.

Chịu ảnh hưởng của trường siêu thực, Maxime Alexandre rất chú trọng tới sức mạnh sáng tạo của tưởng tượng, khát vọng, cảm tính, sự huyền bí. Giác mơ, sự tìm kiếm của vô thức trở thành một phương tiện thám hiểm thế giới của con người toàn diện. Ông cũng rất chú trọng tới tuổi thơ, *đứa trẻ không bao giờ chết trong mọi người* và cố nhiên là tới

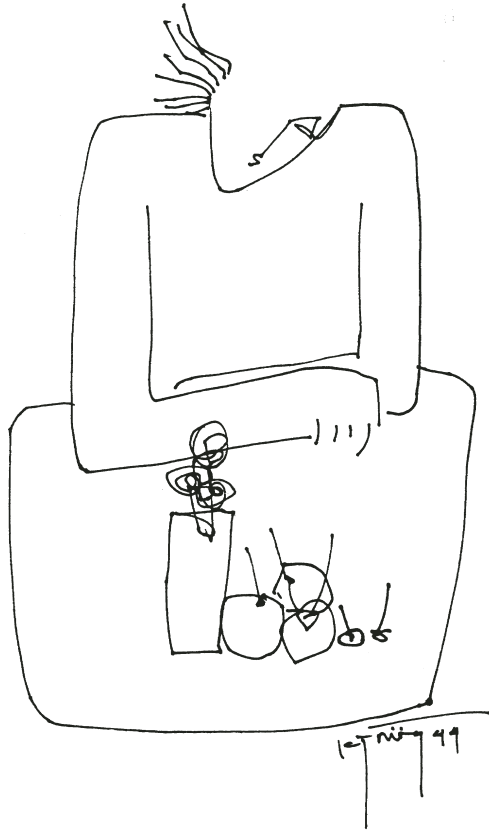
ình yêu, nền tảng của mọi thi ca. Sự kết hợp giữa nước và người đàn bà là một nét tiêu biểu trong tác phẩm của ông.

Ảnh hưởng của khuynh hướng lãng mạn cũng thật hiển nhiên. Thiên nhiên, lòng yêu mến tự do,... gần như là sườn cột hay chính nội dung của tác phẩm. Kết hợp trong hai trường phái ấy trong một con người, một nhà thơ, phải chăng còn là *sự mâu thuẫn của một miền đất: Alsace, một ngã tư, ngã tư của các nền văn minh, của các ngôn ngữ, của các tôn giáo...* và nỗ lực không ngừng của một con người của vùng đất này nhằm chế ngự, vượt thoát *số phận làm bằng những mâu thuẫn tàn bạo của đời mình để đi tới, đi tới mãi..*

DC

Lộ trấn, 1-6-1994

Một vì sao mới một bông hồng mới gồm thơ và thơ xuôi trích trong hầu hết các thi phẩm chính yếu của Maxime Alexandre. Trong khi dịch, tôi đã có dịp gặp bà Maxime Alexandre, được bà dành cho nhiều tài liệu hiếm cũng như giải thích một số điểm trong văn bản. Tôi cũng rút được một số kinh nghiệm hữu ích khi tham khảo bản dịch tiếng Đức của Kay Borowsky (Maxime Alexandre, *Das Meer sang fern von uns*, Henssel Verlag, Berlin, 1984).



Phụ bản Khánh Trường

MAXIME ALEXANDRE

SINH RA

Vũ khúc của chim như một nhịp điệu im lìm
Chỉ dụ thâm kín của các nghĩa trang
Khi gió vươn dài những cánh tay mây

Những mây vẫy của im lặng và những lá cỏ bông cháy
Trong những khu rừng nơi rung lên tiếng vọng của
mặt nổi đau

Hãy giúp đỡ chúng ta hồi bụi của các thời đại hồi
các vũ điệu
xoay vòng hồi các vì sao

Hãy đón nhận những giọt nước mắt chúng ta hồi
các cửa miệng của trái đất

NGỢI CA

Để ngợi ca hay hơn cả im lặng
Để đưa lời nói tới tận mây xanh
Tôi đã chọn tiếng mẹ đẻ
Tuyết và hoa trái nho và nắng
Tiếng đầu tiên của bài thơ
Tiếng thì thầm đầu tiên khi thức dậy
Tiếng của con người nói một mình với chính bản thân
Như thể y đang lắng nghe đất nhẹ nhàng bay bổng

Diễm Châu dịch

KỂ TÒNG PHẠM

Người ta đóng đinh tôi và tôi phải là cây thập ác
và những chiếc đinh.
Người ta trao chén cho tôi và tôi phải là độc dược.
Người ta lừa dối tôi và tôi phải là lời dối trá.
Người ta thiêu đốt tôi và tôi phải là hỏa ngục.
Tôi phải tỏ lòng tôn kính và cảm tạ từng mảnh vụn thời gian.
Thức ăn của tôi là bất cứ thứ gì.
Sức nặng chính xác của vũ trụ, sự nhục nhã, niềm vui.
Tôi phải biện minh cho những gì làm tôi thương tổn.
Có đáng kể chi hạnh phúc của tôi hay nổi bất hạnh của tôi.
Tôi là người thi sĩ.

Diễm Châu dịch

GIỚI THIỆU THƠ JEAN RISTAT *

Đỗ Kh.

“Ode pour hâter la venue du printemps” của Jean Ristat được làm ra vào mùa đông 1977-78 và đăng lên tờ *La nouvelle Critique* thành nhiều kỳ liên tục.

Là tập san của Đảng dành cho giới trí thức, *La Nouvelle Critique* lúc đó đang góp phần vào công cuộc đổi mới bắt đầu từ Đại hội thu 22 năm 1977. Đại hội này khước từ chuyên chính vô sản, đưa ra khẩu hiệu “Xã Hội Chủ Nghĩa dưới hình thức Nhân Bản” và tập trung vào tương lai chấp chính bằng lá phiếu.

Không phải chỉ riêng ở Pháp mà cùng lúc, ở cả Bắc của Địa Trung Hải, phong trào được gọi là “Âu cộng” (*Eurocommunisme*) rục rịch thành hình, với các Đảng CS Ý, Bồ, Tây Ban Nha, Hy Lạp đều tìm cách đứng xa ra những giáo điều điển hình (lúc đó vẫn còn) được Liên Xô chủ xướng.

Về mặt lịch sử (ngoài kinh nghiệm Chi Lê) đây là lần đầu phong trào công nhân gần gũi nhất với một cơ hội nắm quyền bằng bầu cử dân chủ và lá phiếu. Tại Pháp, liên kết phe tả Xã Hội - Cộng Sản vừa đoạt đa số trong cuộc bầu cử toàn quốc cấp thị xã (năm 1977). Mọi người đều chờ đợi Phe Tả đắc thắng trong cuộc bầu cử Quốc Hội sắp tới vào mùa xuân 1978. Mười năm sau cuộc biến loạn thất bại của thanh niên và thợ thuyền ở Tây Âu vào tháng 5-1968, các đảng Cộng sản “Âu Cộng” ở một thời gian kỷ lục được cử tri tín nhiệm với 35% số phiếu ở Ý, 22% ở Pháp, 15% ở Bồ Đào Nha, 12% ở Tây Ban Nha.

Đó là bối cảnh chính trị của bài thơ.

“Ode...” dĩ nhiên (còn) là một bài thơ tình. Khi đường phố Âu Châu năm 1968 nhất loạt dậy tiếng hò làm loạn, phết phấn màu lên trật tự cũ màu xám, thì tự do luyến ái được đặt trong hàng đầu những đòi hỏi tự do về xã hội. Tự do luyến ái, đã tự do thì bất kể phải khác tính hay là (ở đây) đồng tính. Khi bài thơ này ra đời, thì ở Liên Xô (và ở nhiều nơi chẳng dính dáng gì đến các đồng chí Ristat) đồng tính luyến ái vẫn được khoa học chính thức coi là một căn bệnh tâm thần (cùng hàng với căn bệnh chống đối chế độ chẳng hạn), cần phải được giạt điện cho chữa trong những dưỡng trí viện.

Về hình thức, bài thơ mỗi câu mười hai lại xuống hàng, bất kể đang ở đầu cuối hay giữa của một chữ Pháp vốn là một ngôn ngữ đa âm.

Bản dịch tiếng Việt dùng câu sáu và câu tám (ngoại trừ những chỗ có thể đếm lầm)

Theo nguyên tác, bài thơ không có dấu chấm phẩy.

Các tên gọi, địa danh đều không viết hoa. Ở giữa câu, tác giả chỉ dùng chữ Hoa cho những chữ “ô”

Phụ bản là một tấm ảnh do Ethan Russell chụp ca sĩ Mick Jagge của ban nhạc Rolling Stones có Ristat dán vào thêm hàng chữ “Như là chính giọng của Byron”

“Ode...” được nhà Gallimard xuất bản vào cùng năm 1978 trong tập NRF dưới số 24131.

JEAN RISTAT

ĐOẢN KHÚC ĐỂ
MÙA XUÂN ĐẾN VỘI

Cũng có lúc đất lại mang
Màu của trời đêm giầy lừng vừa mới
Cài Hời tàn tro của một
Ngày đang hết tìm đâu ra con người
Vung kiếm râu trắng thành chuỗi
Hạt dịu dàng lác nhẹ như là theo
Nhịp thở của ái tình của
Sợ hãi xích bạc một du thuyền của
Phục Sinh giống mạnh một hồi
Chuông giờ chẳng còn ý nghĩa tôi
Lang thang thả mình như ngựa
Hoang và lẩn trên sỏi ẩm
Ê người áo dệt bằng cỏ gai như
Nhối cổ một con cóc đeo
Làm vòng dạ hội khi với gió tranh
Tài tôi chỉ có chữ nghĩa
Để làm khiên nhẵn nạy tôi mài như
Là kiếm đây chứng kiến để
Làm tin Hời bập bênh trôi nổi Hời
Người yêu có gì đâu tôi
Giữ lại chẳng cần đòi em cứ việc
Lấy ở ngoài rừng đang đốn
Những ngọn cây tôi nghe cỏ thụ nghiêng
Mình gãy ngay vào lúc ngã
Sập người xuống còn gắng đập được cái
Mắm mềm mại mới vừa trời
Ai đâu dám nói gì thương
Hại ai đâu dám mong mỗi công bằng
Và bác ái những thân hào
Nhân sĩ trưa chủ nhật vào cuối buổi
Tiệc vừa nhắc đến vừa cười.

Đỗ Kh. dịch

DIỄM CHÂU

NHỮNG ĐOÀN TÀU

Tôi không sao hiểu được
tại sao lại có những đoàn tàu dài đến thế
những đoàn tàu kéo suốt đêm thâu
những đoàn tàu đi hết đêm này qua đêm khác
những đoàn tàu di chuyển từ mùa đông sang mùa xuân
những đoàn tàu nối tiếp nhau chạy vòng quanh trái đất
chạy vòng quanh giấc ngủ và mất ngủ
xuyên qua tiếng chuông khuya
xuyên qua từng giọt giờ đều đặn
không ai còn muốn biết nhịp điệu của thời khắc
khi những đoàn tàu rờn rã ấy đi qua
những đoàn tàu chạy mãi trong tim
như một sợi dây mảnh lẩn nhưng không đứt
những đoàn tàu không một vòng bánh
không một tiếng còi thét trong đêm
ngay cả khi trái đất im.

CHÂN PHƯƠNG

NHẬT TỤNG

tặng HH và DT

hết mùa giao hưởng nốt tròn rủ dấu lặng đi thăm mộ vĩ
cầm biển gào gọi khản hơi trước giàn micrô cát lấp

giữa hai luống thời gian bão rút vớt lại khúc đuôi rơm
rác hiu hắt mấy đường dây thần kinh cuối vạt đồng nắng nhạt

passent les jours passent les saisons thuốc cảm kẹo ho
kính lão nhật trình

*lật trang ————— hàng quán phố chợ,
đèn đỏ đèn vàng, trôi dạt ngoài mọi
bến bờ, tờ giấy muôn thuở,
thách thức và phiền muộn*

dưới sắc vàng gậy mê con đường nhỏ nằm bất tỉnh mở
ngâm đầy tóc bạc ngỗng nga lần lượt thiên di ngày
đêm xô đóng cổng trắng nơi hậu trường lá mục

mùa thu nhập bọn với đám vô gia cư nơi góc nghĩa trang
thập thò giữa mớ bia mộ đưa em mùa đông rét run tái mét

*lật trang, ————lật trang động tác của
mọi động từ, dòng nước chảy
trôi, ngôi nhà trống mở hoác cửa
nuốt rồi nhả mây mù, cồn cào nổi
đói không ngôn ngữ*

thay thế mọi mặc khải tảng đá đen cột vào cổ hiện tại
nghìn năm trước nghìn năm sau thịt da là tấm lịch nhà niềm
ám ảnh ngộ nguậy ngón tay thừa trong ổ khóa

vàng dương thổ huyết trước giá vẽ bỏ hoang máy chữ
chìm trong giấc đông miên miệng vẫn ngâm tờ giấy trắng

*lật trang ————— từng lớp mỏng pháp
phơi , tuyết rơi trên bàn viết, điện
thoại, thùng thư, câu kệ lời kinh lập cập
giữa kẽ răng thần gió*

khối băng cuối cùng tan trong cổ họng lũ tượng công viên
đồng loạt khạc ra tiếng quạ sau mùa thất nghiệp dài già
ruồi đầu tiên lại lang thang kiếm ăn dưới làn lụa óng bắt
đầu sự lờng gạt để chịu của ngực và mông cây già mẫn án
chung thân xếp hàng tắm gội dưới cơn mưa ấm

*lật trang, ————— lật trang động tác
của mọi động từ, óc tìm ngập nắng tháng
tu, khởi điểm vòng tròn là tờ giấy xé đôi,
mỗi cánh chim khai mở một thi pháp mới*

LẠI DỊCH TÙY VIÊN THI THOẠI

Phan Khôi

Cái hứng ở đâu lạ-lùng đưa đến cho tôi, xui hôm nay tôi lại dịch Tù-yên Thi-thoại lần nữa.

Việc này năm ngoái tôi có làm qua trong Trung-Lập một lần rồi. Việc rất khó! Rõ là việc khó!

Khó thì làm mà làm gì? Bởi thấy là có ích mới làm.

Năm ngoái tôi có thử dịch một tấc Tù-yên Thi-thoại, tưởng là làm một việc mà công-cán đổ xuống sông xuống biển, không ngờ cũng có ảnh hưởng ít nhiều.

Bấy giờ, có vài ông đọc qua mấy bài dịch ra đó rồi viết thư cho tôi mà hỏi đến nguyên-văn. Một vài ông ấy đều tỏ ý khen phục lắm. Không phải phục gì dịch-giả là tôi; nhưng phục những tác-giả của mấy bài ấy khéo đem cái thiên-thứ mà tả vào vận-văn. Họ nói: trong thơ nôm ta thật ít khi có ai tả được đến như thế. Bởi vậy, họ cho việc làm của tôi là có ích.

Tôi cũng thấy chỗ đó. Quả là những thi-nhân của ta hay rập theo cũ quá. Bài nào cũng cứ những là *bóng ác chinh chinh, gió vàng hiu-hắt, canh khuya trần-trọc*. v.v... Chớ ít ai chịu khó lấy cái biệt-thứ, cùng cái chân-tình của mình mà tả ra cho mặ-n-mà một chút.

Thơ như vậy thì bảo hay làm sao được? Phàm thơ hay, là tả tình tả cảnh cũng đều phải cho chân. Có chân mới thấy hay. Cái này, họ cứ rập theo những chữ có sẵn, những cú-điệu tằm-thường, thành ra nhiều khi cái cảnh họ trải qua không có như vậy, cái tình họ ôm ấp không có như vậy, mà họ cũng cứ nói ra như vậy, thì nó lấy gì mà hay được chớ?

Bởi vậy tôi đọc thơ họ mà bất sợ! Không sợ gì, chỉ sợ họ phỉnh mình! Họ nói bóng ác chinh chinh mà không biết hồi đó có phải hồi mặt trời xế không? Họ nói gió vàng hiu hắt, chỉ về mùa Thu, nhưng hoặc-giả nó là mùa Hạ, mùa Đông cũng chưa biết được. Họ nói canh khuya trần-trọc, nhưng tôi rờng những sợ lúc đó chính là lúc họ ngủ khi!

Như thế thì nên làm sao cho có một mơ thơ tả tình tả cảnh cho thật chân để đem ra làm khuôn làm mẫu thì có lẽ hay lắm. Song ở đâu cho có

bây giờ? Muốn có, tưởng chỉ phải ra công mà dịch thơ Tây thơ Tàu cho nhiều mới có.

*

Tôi muốn dịch, là muốn dịch những thơ chuyên tả tánh-linh ấy kia. Song tôi đã nói rồi, nó là việc khó quá mà! Bởi vậy hôm nay tôi phải lánh tìm nhẹ, dịch mấy bài về lối khác.

Mấy bài tôi sẽ dịch đây là thuộc về hạng sử-liệu. Bởi vậy nó cũng có ích mà ích về đàng khác.

*

Những tôi ngay con thảo đời xưa đều là nhờ một chữ tình mà làm họ nên ngay nên thảo. (Người mà đã không có tình thì thôi, còn làm được gì?)

Ông Hồ Trung-Giản (người đời nhà Tống) dâng sớ hạch tội Tần-Cối (một gian-thần lúc bấy giờ) rồi bị đày qua Lãn-Nam. (Qua ở Lãn-Nam, ông Hồ gá nhân-tình với một ả đào tên là Lê-Tiến; nàng này má núng đồng tiền nên cũng có tên ngoài là Lê-Oa.) Đến lúc được tha về, ông Hồ bặt-bịu cùng nàng Lê-Oa mà không nữa về.

Việc ông Hồ đó cũng giống với việc Tô-Võ. Khi Tô-Võ bị cầm ở Hung-nô, cưới vợ Hung-nô. Vì (xưa nay) những người có khí-tiết cô cao, làm theo ý mình, thì thường không hay giữ việc nhỏ-mọn. Khổng -tử có nói: “Xem điều lỗi thì biết người nhân”, tức là những người như thế.

Vậy mà thầy Châu-tử (Châu-hy ở đời nhà Tống, có tiếng là đại-nho) lại làm bài thơ chê Hồ Trung-Giản rằng:

*Thập niên phù hải nhất thân khinh,
Qui đối Lê Oa thượng hữu tình.
Thế thượng vô như nhân dục hiểm,
Kỷ nhân đáo thử bình sinh.*

(Tôi dịch ra nôm theo thể tuyệt cú):

*Mười năm vượt biển chiếc thân phao,
Về, đối nàng Lê bặt-bịu sao!
Cái dục trên đời nguy-hiểm nhất,
Hư thân vì nó biết là bao.*

(Thầy Châu-tử cũng ở đời ấy và thầy cũng làm quan tại triều như ông Hồ. Gặp khi Tần-Cối lộng quyền, thầy Châu-tử cũng có thảo sớ tính dâng vua để đàn-hạch; nhưng thầy còn nghi ngờ gì đó nên chưa dâng. Thầy bèn bày ra bói thử cát hung thế nào. Bói gặp quẻ xấu rồi thầy nín luôn

không dâng sớ. Trên đây là một sự thực có chép trong nhiều sách bút ký của người đời bấy giờ đáng tin.)

(Bởi vậy) ông Cao Thủ-thôn họa theo vần bài thơ thầy Châu-tử mà chế lại thầy ấy như vậy:

*Phê lân nhất sớ tử sanh khinh,
Vạn tử đầu hoang thượng hữu tình.
Bất học Độn ông bổng thi thảo,
Cam tâm kim khẩu tự du sanh!*

(Bài họa này móc đến ruột ông Châu-Hy, khó chịu lắm. Tôi nghĩ hoài mà dịch ra thơ không được. Huống chi lại còn họa theo vận trên thì dịch lại càng khó hơn nữa. Vả, nếu dịch ra thơ thì nhiều chữ không tài nào làm rõ nghĩa được. Vậy tôi xin dịch ra tản-văn. Ấy là sự cực chẳng đã lắm, chớ tôi có muốn làm lờ dờ như vậy đâu.)

(Dịch nghĩa đen: một bài sớ dâng lên, như rờ vẩy ngược con rồng, coi sự chết sống là nhẹ. Muôn phần chết đầy ra chốn cùng hoang mà còn có tình. Không thèm bắt chước Độn-ông bùng cỏ thi mà bói, đành lòng, khóa kín miệng mà ăn trộm sự sống.)

(Rờ vẩy ngược con rồng (phê long chi nghịch lân) là nói sự phản đối ý kiến nhà vua, nguy hiểm lắm.- Đời xưa có dùng cỏ thi mà bói cũng như bói bằng vỏ rùa.- Độn-ông là hiệu thầy Châu-tử.- Mình không đáng sống nữa mà cố-lý để sống, gọi là ăn trộm sự sống: du sanh.)

*

Nhấn là một tác trong Tùy-viên Thi-thoại về cuốn 3, tờ 20, phía sau (mỗi tờ hai phía). Trong đó những chữ nào câu nào có dấu ngoặc là do tôi lấy sự biết của mình mà thêm vào. Vì ông Tùy-viên làm sách theo trình-độ những người đọc sách của ông, không cần nói kỹ cũng đủ hiểu. Nhưng đến khi dịch ra, nếu để y như vậy, sợ đọc giả không quen thì không hiểu, nên tôi phải thêm.

Đọc đoạn đó đủ thấy cái lý-học của Tống-nho chẳng qua là vậy vậy! Chuyện là chuyện làm thơ mà thật là một cái tài liệu tốt để phê-bình lý-học của Tống-nho.

TRIỀU HOA ĐẠI

VẬT NẾN HỒNG

Cháy tôi muôn vật nến hồng
quanh co sông nước một lòng yêu em
khi ngời đỏ giấc nhau yên
tưởng như tình đã khuất chìm trăm nơi

Cháy tôi cây cỏ lâu rồi
hỡi ơi hiu quạnh quanh thời lãng du
sông quen, nước chảy thiên thu
thân sau tiền kiếp mịt mù nhớ ai

Cháy đi thêm một hình hài
biết đâu hoa nở. Trên đời mệnh mỏng
đêm về. Thấp ngọn nến hồng
mai sau trăng có soi lòng hai ta

Cháy luôn tình của ngày qua
ngôi thu đáng giận, ngỡ là đâu nơi
mưa chi nặng hạt thêm lời
trần gian ai đã tụng thời kinh quên

Cháy thêm. Ừ cháy thêm lên
cháy như quạnh quẽ tình duyên mất còn

ĐẶNG TẤN TỚI

CẢM ĐỀ LIÊU TRAI TỰ CHÍ CỦA BỒ TÙNG LINH

Khoác áo họ Tam Lư
Rầy chơi câu chuyện cũ
Đá ba sinh tỉnh giấc
Rõ mặt ới ai người!

Thần rấn, ma trâu hỡi
Ngâm dài cơn nghiện thơ
Ông Tô nghe nói lão
Đời tỏ qua cơn mơ

Khuấy u minh tự thích
Chi để ngờ tơ lông
Vung tay tràn lúc hứng
Sợ trách gì cuồng ngông

Bất chước vẽ ma quái
Trải mây làm lối đi
Trời xanh thành nước chảy
Đại địa hiện lưu ly

Sao khỏi người cười cợt
Lấy không làm có ư!
Dễ ư mà khó ư!
Một trận đùa chưa ngớt

Mua vui nay chợt thấy
Xưa, mộng ý nào em?
Thật như ta ở đấy
Đâu, hãy thử gần xem!

Giữa trang, ai bảo có
Ngoài sách, ai rằng không
Trời đất trong tia chớp
Lửa lòng, sen nở tung

“Kiếm ăn như cái bát”
Bút mực thẹn cho lòng
Buông vãn cơn gió bụi
Khuya khoắt ngọn thơ hồng

Chẳng tranh ai ánh sáng
Mỗi mỗi tự ngồi soi
Muốn cùng ông cất chén
Một hộp cả trong ngoài.

HUY TƯỜNG

TRƯA VÀ TỈNH VẬT GÀ ĐẤT,

tặng các con tôi, và tôi của thuở còn bé con

Trưa
chói
tiếng gà đất nung
mắt vôi
ngực đá
giấy cùng chàm nâu...

KHÚC ẮN TƯỢNG BÊN HỒ,

Rớm màu
Chén nguyệt vàng xiêu
Cúc tần, tắt liễu
Gió rêu, tắt bờ...

VỀ THĂM LẠI THÀNH NỘI,

Bên thành
xiêu lạc
thâm u
Tiếng chim chợp rạch
Vết thù trận vong

GA THÔN,

Gió
lau
Còi tàu yếm vàng
chiều
lên
lệnh bóng
Song
choàng
trận hoa...

TIN HOA,

Chiều
hé cong
mắt lá rằm
Tin Thơ
ngước thắm
ngực rằm hoen xanh.

NGUYỄN TÔN NHAN

TÌM THƠ

Leo lên tận núi tìm thơ
Mà vẫn không xong vẫn điếu
Trời thoi thóp thở như mưa
Đất phun khói sương trắng hếu

Lạnh tanh nơi kia tiếng kếu
Âm u lau cỏ xô đùa
Hắt hiu ở trên vách miếu
Những hồn oan của ai xưa

Dưới đám sương cành, trăng vờ
Mọc im. Hỏi không lời đáp
Hiu hiu mấy đám sao thưa
Dường như cũng vừa muốn ngập

NGUYỄN TRỌNG TẠO

LƯU LẠC

lạc vào kinh kệ
u mê chiều tà
lạc vào quyền chức
kiếp nào gỡ ra

con đường thì xa
chỉ tay mạng nhện
ta lạc ngoài ta
đi hoài không đến

một băng nhạc sến
ướt chùng chiều mưa
có một gã thừa
lạc vào nắng nhớ

ngác ngơ giữa phố
một thằng nhà quê
nhớ thương Mộ Tổ
biết bao giờ về

TẢN MẠN VỀ HÀNH TRÌNH THI CA

Võ Tấn Cường

Hành trình thi ca là cuộc hành hương trên trang giấy của các nhà thơ để đi tìm chân lý, để đến với cái đẹp. Nếu chúng ta so sánh thơ ca như một thứ tôn giáo thì có thể gọi mỗi nhà thơ là một giáo chủ. Các giáo chủ thơ ca là người sáng tạo ra tín-đồ-chữ. Các giáo chủ thơ ca xối tung mọi trật tự xã hội, quy luật ngôn ngữ của cộng đồng dân tộc để chế tác ra một trật tự và quy luật mới của tâm hồn và trái tim. Như vậy hành trình thi ca giữ vai trò gì trong hành trình của nhân loại hướng về tương lai? Các nhà thơ hay các giáo chủ thơ ca đứng ở đâu và giữ nhiệm vụ gì giữa dòng người miên man đi tìm tình yêu và hạnh phúc?

Thơ ca đang chịu áp lực nặng nề của các phương tiện thông tin kỹ thuật và đời sống hiện tại. Càng ngày số lượng người làm thơ càng đông và sự bất bình thường về số lượng đã phần nào khẳng định thơ ca đang bị đại chúng hóa, mất dần tính chuyên nghiệp của nó. Sự khủng hoảng thừa về thông tin dẫn đến việc các giác quan của con người bị tê liệt, tình cảm và ý chí bị nhụt cùn cộng với việc chất thơ bị phá hủy cả ở thiên nhiên và trong tâm hồn đã làm nảy sinh những bài thơ nhạt nhẽo, vô bổ và những nhà thơ sáng tác bằng trái tim lạnh lẽo, băng giá. Sự thừa mứa của thơ tình và những bài thơ lớn ngổn chất hiện thực chỉ chạm đến bề mặt của đời sống đăng nhan nhản trên mặt báo và các tập thơ chỉ góp phần làm xơ cứng thêm cảm xúc người đọc. Tai hại hơn nữa nó còn làm suy giảm hệ thống... miễn-dịch-phê-bình (tạm gọi là khả năng đề kháng với sự tầm thường và nhạt nhẽo trong nghệ thuật). Mối quan hệ của nhà thơ và thơ ca với người đọc đang được mở rộng về biên độ nhưng lại bị rút ngắn về chiều sâu một cách thảm hại. Mọi ngã đường đều mở rộng chờ đón bước chân của nhà thơ nhưng cánh cửa trái tim người đọc thì đang khép chặt.

Liệu thi ca sẽ đi đến đâu ngoài phạm vi các nhà thơ đọc và tán tụng lẫn nhau? Chừng nào thơ ca chưa đụng chạm đến sự bất ổn và vô tận của vô thức thì nó vẫn chỉ quẩn quanh với những trách nhiệm xã hội chung chung và vẫn trùng khớp với chức năng của các ngành nghệ thuật khác.

Giá trị của nhà thơ không chỉ là phát hiện ra vẻ đẹp của cuộc đời và sự vật mà còn ở chỗ họ làm phong phú thêm cho cuộc đời và sự vật bằng cách nhìn, bằng cảm xúc riêng biệt, độc đáo của mình. Gia tài của nhà thơ không có gì khác ngoài thời gian và sự cô đơn. Tôi không tin có một nhà thơ tài năng lại đam mê quyền lực và sự sang giàu. Nhà thơ đích thực là người biết khước từ mọi quyền hành, chức vụ của xã hội để chọn một thứ quyền hành sáng tạo, là giáo chủ của những con chữ - đó là thứ quyền hành vô song và độc tôn... Quyền hành của nhà thơ là làm thanh lọc tâm hồn mình và người đọc bằng cách chế tác ra một thứ ngôn ngữ độc đáo chứ không có quyền làm nhiệm vụ tư tưởng, và tình cảm của mình và mọi người bằng thứ ngôn ngữ hũ nút, bệnh hoạn, cẩu thả... Nhà thơ có thể viết những câu thơ do cảm hứng bộc phát từ tiềm thức nhưng anh ta lại phải sống suốt đời với những cảm xúc ấy nếu muốn nó sống trong lòng người đọc. Thơ bất tử nỗi buồn và niềm vui của con người là như vậy.

Nền thơ ca của chúng ta khá phong phú về số lượng mà lại nhạt nhẽo về cá tính sáng tạo nên khi xuất hiện trên thi đàn một cây bút với giọng điệu ngang tàng phá bình cũng đủ gây nên sự chú ý và lúng túng trong cách đánh giá của các nhà phê bình. Có cây bút thơ nổi tiếng chỉ vì sự phá phách với đầy rẫy khẩu ngữ, ngôn ngữ vỉa hè hơn là những suy ngẫm về cuộc đời, thế sự và sự sáng tạo về ngôn ngữ. Sự nhiễu loạn của phê bình đã làm cho cán cân giá trị đích thực của thơ ca bị chông chênh. Có những nhà phê bình đeo võ gươm chân lý nhưng lại rút lưỡi gươm đao phủ. Họ tán tụng thứ thơ ve vuốt cái tôi thị dân lơ láo nhưng lại *thẳng tay* với những bài thơ đụng chạm với nỗi đau nhân thế. Có lẽ đã đến lúc chúng ta cần cảnh giác với thói lưu manh và cà khịa để phá bình, thỏa mãn sự ích kỷ...

Mưu cầu danh lợi rút ngắn tuổi thọ của tác phẩm và sự nghiệp nhà thơ một cách ghê gớm. Đã có bao nhiêu nhà thơ mà đứa con tinh thần và sự nghiệp của họ chết ngổm trước cả người sinh ra nó? Nhà thơ không phải là danh hiệu bất di bất dịch dành cho những người bước chân vào lĩnh vực thơ ca. Nàng thơ khó tính sẽ sẵn sàng từ bỏ những người không thẳng được sức ì cảm xúc, trí tuệ. Sự phế truật của độc giả dù xảy ra âm thầm nhưng vẫn mang lại hiệu quả, đó là việc họ sẽ loại ra ký ức những nhà thơ và những bài thơ không còn xứng đáng để nhớ. Thơ Việt Nam hiện đại thật quá ít những nhà thơ mà sau khi chết tác phẩm của họ mới được phát hiện, công bố với số lượng và chất lượng thật đáng nể (thật

ra phải viết rằng quá hiếm hoi). Kể cả sức sáng tạo và sức làm việc lâu bền cũng vậy. Chỉ đếm trên đầu ngón tay những nhà thơ dám vượt lên chính mình bất chấp mọi rào cản của đời sống và xã hội... Có phải thơ ca là thứ của cải tinh thần sang trọng làm sáng giá tâm hồn nhưng lại gây ra lắm lụy phiền và bi kịch cho những người dính đến nó? Dù giải thích thế nào đi nữa điều cơ bản vẫn nằm ở nhân cách và tài năng của các nhà thơ. Điều này không một điều kiện xã hội nào có thể thay thế được...

Sự tha hóa của nhà thơ xảy ra khi có sự thỏa hiệp với sự dễ dãi, tầm thường hay bất cứ thứ quyền lực nào dù chỉ là vô hình lẩn trốn trên ngòi bút. Khi nhà thơ chối bỏ quyền lực của mình đối với con chữ cũng là lúc mối quan hệ giữa nhà thơ với bạn đọc và cộng đồng bị phá vỡ. Chỗ đứng của nhà thơ không ở đâu khác ngoài trái tim của người đọc. Nhà thơ là người giữ vai trò đi tìm lại những gì đã mất để làm giàu thêm ký ức, trí tuệ của con người nên khi nhà thơ bỏ quên thiên chức của mình là họ đã thủ tiêu sáng tạo, tự đánh mất chính mình. Sự nhiệt tình và quên mình của nhà thơ trong những hoạt động xã hội chỉ bộc lộ sức sáng tạo của nhà thơ đã bị cạn kiệt và may mắn lắm thì họ cũng chỉ trở thành nhà chính khách lỗi thời hoặc nhà đạo đức *nghịệp dư* mà thôi...

Thơ ca đóng vai trò thức tỉnh con người nhưng với bọn người vô long tâm thì thơ ca bất lực và không phải vì thế mà thơ ca thu hẹp phạm vi ảnh hưởng của nó. Thơ ca thấm vào từng ngõ ngách tâm hồn, từng tế bào của đời sống với sự tác động tinh vi, chậm chạp và khó có thể nhìn thấy hoặc đo lường được. Thế giới càng văn minh con người càng làm chủ và chiếm lĩnh tự nhiên, thế mà xem ra con người vẫn còn bất lực với những hành vi man rợ và mất nhân tính của một bộ phận không nhỏ trong tổng thể loài người.

Hành trình thi ca đang đồng hành với cuộc hành hương đi tìm chân lý của nhân loại. Vai trò của thi ca có lẽ chẳng có gì khác ngoài việc thức tỉnh lương tri của con người. Muốn được như vậy mỗi nhà thơ phải là nơi hội tụ của lương tri và những phẩm chất cao quý của con người hiện đại.

ĐẶNG ĐÌNH HÙNG

CHỢ

Lần này không ngồi ở giữa chợ, ổn. Anh lui vào một quán không nhìn thấy, mà từ quán nhìn thấy các dòng đi - xe - người - những cái rổ rá - mớ rau - như thể một fông động. Thú, cực thú! Có lúc mải ngắm và nếm (nếm là đich) anh quên khuấy một cái chén trên tay.

Nếm cả một cái chợ không fải chuyện dễ. Fải có một động cơ cực mạnh: Thèm. Có thèm mới ăn được. Kiểu nhà thơ, người ta ăn tái.
ăn tái bình minh
ăn tái buổi chiều
ăn (ràu rạ) cả mặt trời¹

kiểu người thịt, người ta ăn mâng
đi anh
mâng
thứ bảy... jờ dăng
mâng lại mùa mâng

mâng/ cần

Con sông quên
Con sông lên
quên hết đợi chờ

Anh cảm thấy bất lực. Không phải thiếu thèm. Ngược lại, thèm cứ chồm. Mênh mông! Không điều khiển được. Chợ - thu gọn lại - một thèm bé - bé da diết: một mùi hương tóc. Tóc cả thảy

bảy loại: ngắn - dài vai - tóc óng chanh bồ kết - tóc mỡ hôi nước
nở (vuốt cho em) - tóc đêm nhòe dưới vòm đèn.

Hương trời tóc - thả tóc - giật mình! hương người.

Nhưng, tìm tóc fải con sông quên. Anh đi quên. Thế là vào cơn
thể nghiệm.

Có người bảo đây là cơn thể nghiệm số 7. Thực ra, anh không
đặt tên đánh số. Cứ chổng đống lên nhau các cơn khác nhau.
Cơn trước chưa xong, tiếp ngay cơn sau, kể cả các cơn cũ cũng
tấy lên cùng dự. Bởi thế, ai hỏi, anh chỉ nói: Thế, thế. Không
đánh số được cái thềm.

Kể từ buổi một dúm nguyên âm ă ă ra đi, chưa bao giờ anh thấy
fức tạp hơn cái cơn thể nghiệm này - cơn thềm. Thềm tổng hợp,
đóng cục, đem cắt ra bằng cái fích tự vị, không được. Lại còn là
một lao động nhọc mệt cần sự phối hợp của toàn bộ ngũ quan, kể
cả cơ bắp. Mà thú vị, thềm đi, thềm lại. Một cục thềm có thể
tối ba lần. Có khi hàng ngày². Điểm cao của thềm có khi chụm
lại tất cả các thứ thềm: ăn - nghe - nhìn - ngấm, chẳng hạn ăn
một quả chuông buông jờ...

Công việc phức tạp. Anh lại fải ra chợ.

TRÂM PHỤC KHẮC

NGỌT TRẮNG

ra đi như cơn giông
trên bàn tay chợp giạt
ôm trời đất vào trong
cô đừng mong ghẻ lạnh

gã chưa còn chưa mất
khi mùa mưa trở lại
còn đáy chum ngòn ngọt miếng trăng non

NHÓC

biển đen ngoài sức thở
sống thơ ngây chết dịu dàng
đêm đau
ngoài sức khóc cho nhạt
một vì sao
ngoài sức kêu cứu
ai hay
một nghìn chai thất lạc
một nhóc
một nhóc tù xưa của chúng ta

LÁ

lặng lẽ nàng lên ga cố nhân
mắt đỏ mầu hoa đau rượu đá
lầm chằm chiều con nhỏ ghé chân
cửa mộ cuồng thu trăm trận lá

TÀU SƯƠNG

tôi nhớ nhất khuôn mặt dấm dãi
màu toa nâu
máu đỏ
thét
ghi
nàng bóc bánh mời trăng sao lẫn lộn
chuyến tàu sương sẩm sớm - tôi đi

NÍU

biển im lặng bọn mình không nhớ nổi
gió chiều cong
và râu tóc
phi
lao
gã gặp xuống quê nhà xin xá tội
muôn bàn tay nhỏ níu - đềm nhau

ĐỖ QUYÊN

NẮNG VÀ HOA

tặng chúng mình nhân ngày sinh thứ 39

1.

Chủ nhật. Đầu thu. Hiên cửa.
Giữa
chùm nắng - đóa hoa
thắm cỏ tái cong xơ xác
Đây chúng mình: một tia nắng - một cánh hoa.

2.

Anh theo mãi ngàn vạn năm ánh sáng
tìm rọi lên một cánh hoa em...
Đất Mẹ mỗi mồn khô kiệt
Xứ người lạnh giá hoang đơ.
Anh như đã có trước ngày những thiên thần hạ thế
Vì sao đầu tiên ấp ủ tự trong nhân.
Một tia sáng anh đủ ấm
Cánh hoa em trở trời chốn nhân trần.
Ba trăm ngàn ki-lô-mét một giây (1) còn chậm:
Mắt Mẹ khép rồi, chưa kịp thấy em!
Ôi, mắt Mẹ - Vì sao thứ nhất
của vũ trụ này
cho những đứa con.

3.

Có những ngày đản sinh của Thích Ca Mâu Ni,
của Bà-la-môn, của Giê-xu...

Của cả những mạo xưng thần thánh...

Có những ngày hoàng kim của đức tin

Của cả những trước tác...

Có những ngày như thế

trên nắng, trên hoa.

Để thế gian

có khổ đau - hạnh phúc

có tử - sinh, thiện - ác.

Cầu xin Mẹ, đưa chúng mình

tới một vũ trụ nào xa khác -

nơi chỉ có hoa và có nắng

vĩnh hằng.

4.

Có những khu rừng mây che tối lá cành

Lá chằm chằm ngả màu

Cành run run muốn rụng...

Đừng sợ!

Khi anh và em là nắng và hoa.

5.

Có những bức họa chặt các gam màu trĩu nặng

và có những khúc ca dài hơn cả một nỗi buồn.

Màu người đời pha rồi sẽ phai!

Đàn người tới hồi phải lui!

Mình còn mãi

bởi chúng là được Mẹ sinh ra.

6.

Bầu trời triệu triệu thiên hà - Tấm lịch lớn - em khắc
đầu một

ngày Mẹ mất:
Vì sao thứ nhất
đã thành giọt nước mắt
đen!

7.

Đừng ngại nghe em,
đầu ngày mai cái cậu vua Kim Chung Nhất đó búng
chơi hòn bi
nguyên tử về phía còn lại của loài người,
đầu ba tháng vừa rồi cả một nửa triệu nhân mạng
Tút-xi đã nhòa

vào cát bụi...

Nếu như
những tia nắng vẫn còn (dù là một!)
và dù chỉ một cánh hoa còn hương sắc
Nếu như...

8.

Anh sẽ có thể thông hiểu nổi những gì lý lẽ ở đời (2)
kể từ mai...
Còn tia nắng trong người Mẹ cho từ ngày ấy
Không bao giờ anh có thể thấu tận
ngoài điều hiển nhiên là để mãi tìm rọi một cánh hoa - Em...

chú thích

(1) Tốc độ cao nhất mà khoa học được biết (tốc độ ánh sáng trong chân không)

(2) “Tứ thập nhi bất hoặc” (Khổng Tử)

LUÔNG GIÓ MỚI TRONG THƠ

Nguyễn Phương Minh

Bất cứ luồng gió mới nào - trong bất cứ lãnh vực gì - cũng đều là vấn đề khó, vì cái mới luôn luôn là cái khó lượng giá. Vì thế, cho nên bất cứ ai đi vào ... cái mới cũng đều nên đi một cách dè dặt, như người đi những bước ngần ngại trên mặt phiến băng mỏng chớm đóng đầu Đông. Chúng tôi cũng không ra ngoài quy luật đó, và chỉ xin được dám nhìn vấn đề qua tinh thần đem cái bình tâm vào cái nghiêm trọng, đưa cái tung tăng vào bước đi ngần ngại của sự khai phá.

Xin được trở ngược thời gian và khởi đầu ở mốc định mệnh 30/4/1975. Ngày đó, chúng ta túa ra bốn phương trời để đi về miền đất hứa. Không một ai hướng dẫn ta, không một Mốt-Sờ thời đại nào chế nước đại dương cho ta về miền đất hứa, hoặc chỉ cho ta một đích đến, một con đường đi. Lúc đó, tương lai là những chuỗi ngày chìm lẫn vào đám mây mù của vô định. Kẻ sang Mỹ, người trôi dạt vào bờ biển các nước Đông Nam Á, người sang Âu Châu, kẻ trả giá cho Tự Do bằng mạng sống của chính mình. Cùng với dòng người đó, một Cộng đồng Việt Nam Hải Ngoại và một nền Văn học Hải ngoại hình thành. Tiến trình hình thành đó phản ánh trọn vẹn những cơn co giật về khủng hoảng văn hóa của cả một cộng đồng người loay hoay tự hỏi: *Ta là ai? Ta đứng ở đâu? Ta muốn gì?, và Ta sẽ làm gì?*

Trong cơn loay hoay đó, có Nam Lộc thiết tha như nói với người tình muôn thủa, “*Sài Gòn ơi ta đã mất người trong cuộc đời.*” Có Du Tử Lê, quá khứ không có chỗ neo, ngày mai không dám giáp mặt:

*ta đi, kể hết đời rồi
sống thêm trong nỗi rã rời mà thôi
mộng nào đủ dỗ ta vui
tay chân cũng lạ, tiếng cười cũng chua*

*ta đi, sống nốt đời thừa
nói năng chỉ nữa cũng lừa dối thời*
Dăm Bài Hát Ru Người Phiêu Bạt, 1977

Có Trần Mộng Tú, mùa Giáng Sinh năm 1977, bơ vơ giữa ngã ...
bẫy của cuộc đời:

*Có phải người là trăng
Dẫn tôi về đường cũ
Có phải người là sao
Soi đời tôi lữ thứ*
Đêm Vô Tận, 1977

Có Đan Quế, tháng 2 năm 1979, sau gần bốn năm ở Mỹ vẫn cảm
thấy mất hút trong vô cùng:

*Một mảnh hồn cô, một mảnh trời
Mặc cho thân thể lạnh lùng trôi*
Phương Trời Lẽo Đẽo, 1979

Có Nguyên Lương “nhìn lại quê hương” qua *kỷ niệm chửa đầy vũng
nước mưa đêm*. Có Trần Mộng Tú, khẩn thiết kêu gọi:

*Nhân danh quê hương tôi, nhân danh dân tộc tôi
Tôi thiết tha kêu gọi
Hỡi những người đang rao giảng Nhân Quyền ở phương Tây
Xin hãy về phương Đông
Đốt bùng tôi ngọn đuốc Nhân Quyền*
Nhân Danh, 1979

Có Hoàng Khởi Phong cúi đầu chiêm nghiệm *Ghềnh thác của cha*,
nơi ngày xưa, có người, lúc bình thường gò lưng đạp xe đạp kéo kẹt đi
kiếm ăn, nhưng lúc xung trận, hùng tráng dùng tâm vong đánh thực dân
Tây. Có Bắc Phong mơ mãi được sống trong một chiến khu ở quê nhà. Có
Hoàng Phủ Cường *đêm ru tràng AK*.

Không khí sinh hoạt văn nghệ lúc đó trụ trong thời gian tâm lý của
trước năm 1975, và phản ánh cái tách biệt - tối thiểu về mặt tinh thần - của
chúng ta đối với xã hội Mỹ. Hầu hết đều nghĩ đây chỉ là một cuộc dừng
chân tạm. Và vì thế chúng ta dựng nên một cái gì tạm bợ. Chúng ta hối hả
doing lại những sinh hoạt cũ của Sài Gòn trước năm 75 - cả tốt lẫn xấu - để
chấn phần nào sự xâm chiếm của cái cảm giác mất hút trong bao la, bơ vơ

trong đám đông. Chúng ta in lại những sách cũ, chúng ta hát lại những ca khúc cũ, chúng ta cố trồng các loại rau của quê nhà, chúng ta nấu những món ăn Việt Nam, và rồi cái gì phải đến đã đến, chúng ta xuất cảng sang Mỹ cả lễ lối sinh hoạt báo chí cũ lẫn phong thái vận động chính trị cũ.

Lúc đó, chúng ta rơi vào căn bệnh “*có nhiều xài nhiều, có nhiều xài hoài*”. Điều này phản ánh khá rõ qua văn học. Mãi đến lúc gần đây, chúng ta vẫn chỉ dám “*tán*” - núp dưới dạng phê bình văn học, nếu có thể gọi đó là phê bình - về những gì đã được đãi lọc, đã được công nhận; như “*tán*” về những bài thơ thời tiền chiến hoặc dịch, cho vài lời “*bàn*” Mao Tôn Cương về thơ Đường. Chúng ta vẫn chỉ khai thác những đề tài ước lệ cũ. Chúng ta biện luận rằng thì là vì cuống rún sáng tạo đã bị cắt đứt khỏi mạch sữa quê hương nên chúng ta nghèo nàn trong sáng tạo. Trong gần 15 năm, nhạc tính thơ hải ngoại vẫn là nhạc tính cân đối của thơ Đường, êm ả của lục bát và réo rắt của dòng thơ tiền chiến. Trong gần 15 năm, ta trụ trong thời gian tâm lý của trước năm 75 cả về nội dung lẫn hình thức.

Cái cô đơn trên xa lộ không đèn xuyên tiểu bang, cái diên tiết bị giam hãm trong cơn kẹt xe tưởng chừng vô tận trên xa lộ 5 mỗi bận đi làm, cái vẫy vùng kiếm sống và hội nhập xã hội Mỹ, những người Việt Nam ... bị bệnh tâm trí trong các dưỡng trí viện, những đồng bào lấy lất trong các trại tị nạn; những người Việt không nhà ngay trên hè phố Mỹ, ...; tất cả các đề tài rất thực trên ít thấy trong thơ, truyện. Ít thấy có nỗ lực phá vỡ ranh giới ràng buộc cũ; ít thấy cái vạm vỡ lao mình khám phá cái mới. Chúng ta uể oải, và cái gì trước mắt chúng ta cũng đều “*linh xình*”. Chúng ta trở nên “*siêu thực*”. Siêu lên cái Thực tại để bơi lội “*thoải mái*” trong ... cái cũ.

Tuy nhiên, hình như có luồng gió mới xóa tan đi màn đêm siêu thực đó. Ở trong và ngoài nước, một lớp người mới khẳng định quyết tâm đem đời sống, thực tế và lẽ thật trở lại văn học và chính trị.

Ở ngoài nước, một lớp người mới nói với nhau, “*không thể cứ ngồi chờ cho đến khi quý vị đàn anh đồng ý với nhau; hãy cứ để họ ngồi yên ở một góc của vũ đài lịch sử thảo luận về những vấn đề cũ trong cung cách cũ; hãy tiến lên bằng những bước vạm vỡ, gạt phăng tất cả những đồ nát trên mặt bàn quê hương và cùng nhau sắp xếp lại một trật tự mới cho đất nước*”.

Trong nước, có Nguyễn Thụy Kha, Bùi Chí Vinh khẳng định bằng sáng tác của mình - *Tôi nhổ nước bọt vào những điều lừa mị ... Tôi sẽ làm cho những nhà bác học - thấy mình còn cận thị trước tương lai* (“*Tuyên Ngôn Thi*”, trích trong tạp chí *Thơ*, số ra mắt mùa Thu 1994). Có TTS, một thuyền nhân ở Hồng Kông bị cưỡng bách hồi hương, đã viết thư ra cho thân hữu ở Mỹ qua ngã Trung Quốc, *chế độ này không còn lý do gì để tồn tại, về già nếu chuta đánh đổ được chế độ, tôi sẽ để lại di chúc cho con cháu, thúc chúng làm chuyện đó*.

Ở ngoài nước, tiếng thơ không còn thụ động ... lết theo chính trị

như trong khoảng thời gian từ 1975 cho đến 1990, mà đã có dấu hiệu cho thấy có sự đổi mới, có sự khai phá đầy lùi biên giới của ngôn từ; một sự khám phá không đơn lẻ, lạc lõng, mà hình như thoát thai từ một trường phái đang hình thành.

Có Du Tử Lê, luôn bám trụ vào đời sống, làm thơ không biết mệt, sống trọn vẹn và sống thật với chính mình, và không ngừng làm mới ngôn ngữ thơ. Hành trình thơ Du Tử Lê phản ánh cái nhịp của dòng thơ hải ngoại, từ những bước đi chậm rãi và thoải mái lúc ban đầu của thơ-tạo-nhịp trong dòng ... tiền chiến (“*Khi tôi chết hãy đưa tôi ra biển*”), cho đến cái vùng vẫy muốn vượt thoát ra khỏi những ràng buộc của gánh nặng quá khứ (“*Ở chỗ nhân gian không thể hiểu*”), để rồi đổ ào ra biển với tự-do-tìm-thấy:

*nên, chiều lên: chia tay chim
vạt cây cấu kết rừng nguyên thủy, nàng
tôi tê, mềm, xuôi, sâu/hoang/
khuya/mây chủ động: qui hàng biển/gương
Biển, Gương, Seattle*

Có Khế Iêm, với lối buông câu bất chợt xô đẩy âm thanh chạy theo những chiều kích không quy ước, với lối thả ý của một Samurai sau khi đã trụ tấn cả một buổi chiều bỗng vung gươm ra chiêu sát thủ:

*hình nộm
(bằng rơm)
dang tay ra*

đừng bao giờ hỏi han gì về đời sống nhé

*nếu nói không
sẽ biết thế nào là mỗi lửa*

*câm như thóc
Câm*

Hoặc:

*Từ thuở tuổi tác như đồng nát
Sương khói xây thành trắng mộ bia
Ta uống say khướt nước quân bách
Theo gió ra ngoài biên giới kia
Chái Xưa*

Ở Du Tử Lê và Khế Iêm, nhạc của Thơ là nhạc của Thơ (và không còn là nhạc của nhạc), và tempo của nhạc trong thơ không đến từ ý đồ tạo-vấn-nhịp mà là âm vang của cuộc đối thoại giữa nhà thơ và đời sống. Nếu thơ của Huy Cận với *tay anh em hãy tựa đầu, cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi*, đi tự nhiên vào nhạc-của-nhạc Phạm Duy với âm thanh của “trái sầu” rơi lóc cóc trong vô thức người nghe; thì nhạc tính trong thơ Du Tử Lê là cái phản ánh của nhạc-đời-sống với tempo phi-tuyến-tính tới-lui-đột-biến-bất-chợt, với những chiều kích không-đoán-định-được của những giọt nước bắn ra từ những cuộn sóng bỏ vào ghềnh:

*và, chiều cù tôi: chìm, rơi
ai vai/ Bỏ tát/ tìm: ngôi ghé sau
và, mệnh mỏng. Mệnh mỏng, kia
thấp, chuông: chảy giữa tôi bờ, bãi liền*

*và, quên. quên. quên. quên. quên.
con sông tự dật lựa băng giá, gìn
và im. im. im nghe chìm
khảong, đau cánh nhuộm sâu miền hư, tâm*

Tôi/Chiều/Sông

Saint Laurent chưa hề chảy trong ký ức nàng,

Du Tử Lê

Là âm thanh của đời sống, là những bước gõ trên nền của sự khám phá; là tiếng động của lon bia thuộc không gian vật lý, định mốc cho thời gian tâm lý. Và như một phản hồi chuyển giữa hai không gian: thời-gian-tâm-kiếm-tâm-lý cấu tạo cái dài hơi cho tiếng động của không gian vật lý. Là cái âm thanh độc lập mà trí tưởng muốn nghe, là hồi âm của cái nhìn trũng vào *bặt-vô-âm-tín*:

*tu hơi bia
đá chiến lon ra ngoài*

*thốc tháo nốt nhạc rời
phân kịch hoang phế*

tìm kiếm

*cứ mờ mịt mãi rồi cũng có ngày phải sáng tỏ
về thuở khốn cùng*

*sống ngắc ngoải
câu bơ câu bất*

lóc cóc

vẫn biệt vô âm tín
Tìm Kiếm, Khế Iêm

Vâng, có cái gì mới trong thơ. Mới từ nhạc-của-thơ, mới từ cách dàn trải cấu trúc các mảnh của đời sống, mới từ cái nâng chữ nghĩa bình thường của đời sống lên một không gian khác, mới từ cách mời gọi độc giả giao duyên với *nhà thơ qua ... thơ*. Ở đây, thơ không còn là bữa ăn bày sẵn với chén bạc đĩa vàng bày biện theo cung cách quý phái xưa, và vắng vắng đằng sau là các khúc nhạc cổ điển; mà là một cấu-trúc-toàn- vẹn-không-toàn- vẹn, với những nhịp dừng để người đọc sáng-tạo-nói-tiếp nốt nhạc đứt ngang, với những khởi đầu bất ngờ, chiết mạch thơ vào đời sống của người đọc:

và, ngày cù sương: bay lên
nắng thâu phế liệu: em truyền nhiễm, thơ
và, mây cù mưa: trôi, đi
nhìn nhau cửa ngục a tì, bậc môi
Tôi/Chiều/Sông, Du Tử Lê

Với những khoảng trống trong thơ mời gọi người đọc phiêu bồng trong một cảnh-giới-không-nơi-bám-víu:

*gác mái
con đò không
giả dụ vậy*

*ẩn dụ lời
đừng đùa bỡn với ký ức*

nóng nảy

*đã đến lúc phải chôn sống
cả hơi thở*

*tí tách
giọt cà phê rơi*
Cà Phê, Khế Iêm

Ở trong nước, có Lê Thu Thủy, vùng vẫy mở chiếu kích thứ tư cho bóng đêm không lối thoát:

*Tôi nhỏ tí
như một vì sao lạc
Lũ gián bò
lặng lẽ
đến sờ tôi
Đêm*

Có Nhật Lệ, xuống tấn nhìn đối thủ một cách e ngại, dồn nội lực, cung tay rồi tự hỏi có nên xuất chiêu:

*Tôi thích dùng những động từ mạnh, những hình dung từ treo ngược
chính tôi
Nhưng tôi chưa thấu hiểu
Cái gì mạnh, cái gì đáng sợ treo ngược con người
Năm Tôi 23 tuổi*

Vâng, có cái gì mới trong Thơ.

Trong khi dòng thơ ở trong nước vẫn còn ngừng ở sự tác vận cụ thể (*opération concrète - thuật ngữ của Piaget*) thì dòng thơ hải ngoại đã cấu trúc hóa đời sống bằng tác vận trên những tác vận cụ thể (*opération sur les opérations concrètes*). Do tính rất văn nghệ của ... văn nghệ, xin đừng kỳ vọng một tuyên ngôn văn nghệ sẽ giống một tuyên ngôn chính trị. Ngày Rimbaud lên Paris, danh thiếp văn nghệ của anh là bài thơ “*Con Tàu Say*”; tuyên ngôn của trường phái tiểu thuyết “*siêu thực*” là truyện “*Nazda*” của André Breton; tuyên ngôn của trường phái thơ phi-phi-thực là tập thơ “*Lá Hoa Cỏn*” của Bùi Giáng. Có cái gì đó từ “*cội nguồn loã thể*” cho chúng ta thấy, tuyên-ngôn-thơ hải ngoại đã được ký mã và chỉ còn chờ được ném ra. Gần 20 năm qua, có lẽ đây là lần đầu tiên, tiếng thơ khởi xướng một luồng gió mới, khơi dậy cái đam mê “*làm chủ ngôn từ tức làm chủ thế giới*”; lần đầu tiên Thơ giương cao ngọn cờ tiên phong khai phá và đổi mới đích thực. Phải chăng đây là dấu hiệu tốt?

NGUYỄN QUANG THIỀU

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ
GÁNH NƯỚC SÔNG

Những ngón chân xương xẩu, móng dài và đen tỏa ra
như móng chân gà mái
Đã năm năm, mười lăm năm, ba mươi năm và nửa đời tôi thấy
những người đàn bà xuống gánh nước sông
Những búi tóc vỡ xối xả trên lưng áo mềm và ướt
Một bàn tay họ bám vào một đầu đòn gánh bé bỏng chơi vơi
Bàn tay kia bầu vào mây trắng
Dòng sông gục mặt vào bờ đất lầy lội
Những người đàn ông của họ mang cần câu và cơn mơ
biển ra khỏi
nhà lúc nào không biết
Những con cá thiêng quay mặt khóc
Những chiếc phao ngô chết nổi
Những người đàn ông giận dữ và buồn bã và bỏ đi
Đã năm năm, mười lăm năm, ba mươi năm và nửa đời tôi thấy
Sau những người đàn bà gánh nước sông là lũ trẻ cưỡi truồng
Chạy theo mẹ và lớn lên
Con gái lại đặt đòn gánh lên vai và xuống bến
Con trai lại mang cần câu và cơn mơ biển ra khỏi nhà
Và những con cá thiêng một lần nữa lại quay mặt khóc
Trước những lưỡi câu ngơ ngác lộ mồi.

NGUYỄN ĐỖ

HỒI ỨC CỦA MỘT NGÀY

tám giờ của một ngày tôi chỉ có một nhiệm vụ
khe khe bảo mình: “chậm chậm thôi, nhẹ nhẹ thôi”
và đôi khi tôi làm được thật

tôi vào pharmacy mua viên Alnalgin
và tót lên cân
hôm qua tăng một hôm nay giảm một
đăng nào chả phải mua, đỡ tốn hai trăm

ánh nắng đuổi chúng tôi ra khỏi vòm cây
cái ngôi nhà đầy ẩn ức một ngày
quả bóng nhòai ra khỏi lưới
chúng tôi say sưa cãi nhau và lùì dần vào bóng tối

đăng nào chả thế
đăng nào chả thế
nói chuyện với thằng câm còn hơn không nói với ai cả
có ai làm đám ma cây!
ngoài đường Beethoven giảng đầy

SG. 8.94

THANH THẢO

ẨN CƯ

bong bóng một chiếc xe rú ga cắt ngang giấc mơ
 nghịch âm vui con rắn mù buổi sớm
 chiều chiều tưới nước cho hoa ngêu cơn giận
 một mình đi trong đường ống
 làm sao ngêu
 những bông hoa không lừa dối những mỹ từ gán cho chúng
 lừa dối
 ta ẩn cư trong thân thể mình như trong ngôi chùa nhỏ
 ta là ông từ quét dọn ngôi chùa cha mẹ cho ta
 nơi ấy xa cao mập mờ hương khói cha mẹ ta về
 nhìn đầy một không gian im lặng
 con sẽ gieo vào không gian ấy
 hạt cỏ nở xanh vì người khác
 con sẽ gieo không gặt
 bản độc tấu ghi-ta
 bấm trên dòng sông hẹp

1993

BÙI CHÍ VINH

NGÓ LẠI TIỀN NHÂN

Với trí nhớ của Lê Quý Đôn
cái đầu đội trời của Cao Bá Quát
lại thêm Tú Xương chút mùi khinh bạc
ta đem thân ta đùa giỡn với công hầu

Ta cấm “bể xanh hóa thành ruộng dâu”
cho người có muối và cho tằm có lá
ta cấm cửa những nhà thơ đơn đả
Nguyễn Công Trứ làm quan chỉ thích được vi thần

Ta cấm cửa những nhà thơ kẻ cả
Nguyễn Khuyến về già tan hết mộng chăn dân
“Trường Giang như kiếm lập thanh thiên”
ta thương Chu Thần phải tuốt gươm làm giặc
ta thương mặt trời bị chôn xuống đất
cho lũ hủ nho nhà Nguyễn mặc hoàng bào
ta thương mặt trăng gặp phải thời nguyệt thực
cho lũ nịnh thần lấm tẩm mọc như sao

Ta thương anh hùng ở “phố Hàng Nâu”
giả làm phỗng sành mặt mày lơ láo
ta thương “Ngọa Long Cương” giả say bên chén rượu
không dám ngâm thơ sợ lộ cốt Rồng
ta thương bậc Tú Tài quân tử
mượn áo giang hồ đùa lũ Trạng tiểu nhân

Ta có lời xin lỗi Trần Tử Ngang
hà tất phải “Độc sảng nhiên nhi thế hạ”
“Niệm thiên địa chí du du...”,
bạn niệm một mình thì phí quá
ta chẻ đầu ta chia hết thấy mọi người
thế gian này những kẻ bình thiên hạ
có cùn gan, đủ mặt để rong chơi
có giống Quát khắc thơ vào vách đá
có như Xương nhét chữ xuống mộng ngời
và có đám như ta, đọc những lời khí phách
rồi rủ Hồ Xuân Hương chơi cờ tướng tay đôi

THƠ, CẦN CÓ CÁI NHÌN TÔN TRỌNG

Nguyễn Trọng Tạo

Trên nhiều mặt báo từ Hà Nội thành phố gần đây đã giới thiệu hàng loạt bài “Trao Đổi Về Thơ Hôm nay” của khá nhiều nhà thơ, nhà phê bình văn học và của cả những độc giả yêu thơ là lính, là công nhân, nông dân v.v... Người tham gia nỗ lực nhất là nhà thơ Trần Mạnh Hảo, anh viết hàng loạt bài phê bình phê phán tập thơ *Sự Mất Ngủ Của Lửa* của Nguyễn Quang Thiều (Giải thưởng Hội Nhà văn VN 1993) là “thơ Tây giả cây”, tập thơ *Bóng Chữ* của Lê Đạt là “thi pháp ú ớ”, tập thơ *Ô Mai EM* của Đặng Đình Hưng là “không phải thơ”, tập thơ *Người Đi Tìm Mặt* của Hoàng Hưng “vô nghĩa, kỳ quái, dung tục”, “đánh đố người đọc”; anh lên án Phạm Xuân Nguyên là “Escôca sút bóng vào lưới thơ đội nhà”, dám trao “là cờ máu của thơ ca cách mạng” cho nền Đệ nhất cộng hoà gồm Thanh Tâm Tuyền và nhóm *Sáng Tạo*; và anh đề cao đóng góp nhằm cách tân thơ ca của cả một đội ngũ đồng đảo các nhà thơ chống Pháp và chống Mỹ trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc. Một số người đã viết bài tranh luận với Trần Mạnh Hảo. Nhà báo trẻ Phạm Tường Vân đã làm một cuộc phỏng vấn Trần Mạnh Hảo (có băng ghi âm), nhưng sau đó anh đã điện cho Tổng biên tập tạp chí *Diễn Đàn Văn nghệ Việt Nam* đề nghị không đăng bài phỏng vấn đó, với lý do là nhà báo đã lên ghi âm, dù theo Phạm Tường Vân là “anh Hảo còn đi mua cassette cho Vân”.

Tôi là một người luôn luôn thấy mình “yéom thế” trước các cuộc tranh luận lớn tiếng, cho nên chỉ dám đứng ngoài để làm quan sát viên, đừng rút được đôi điều bổ ích cho nhận thức về thơ và đời sống chung quanh mình. Và tôi thấy trong tranh luận thường xảy ra những *bất đồng*

ngôn ngữ. Khi đã bắt đồng ngôn ngữ thì tranh luận dễ dẫn tới bất hòa. Và tôi chợt nhớ bài thơ *Bất Hoà* của Võznhêxenxki như một an ủi cho sự “yếm thế” của mình:

*không nhất thiết phải thanh minh
Đừng giận em ơi, ta đâu là đôi khi
Giải thích làm chi khi lý trí không thể hiểu
Và tâm hồn thì biết hết cả rồi, giải thích nữa làm chi*

Vì vậy, tuy có một số ý kiến khác biệt với Trần Mạnh Hảo, tôi vẫn không thích tranh luận cùng anh. Mỗi người đều có quyền phát biểu chính kiến của mình, và Trần Mạnh Hảo đã nói rõ chính kiến của anh về thơ hôm nay. Là nhà thơ cùng thế hệ với Trần Mạnh Hảo, trong bài viết ngắn này, tôi chỉ xin trình bày vài suy nghĩ nhỏ của mình về thơ và phê bình thơ, với mong muốn mọi người cùng dành cho thơ cái nhìn cởi mở và tôn trọng.

1. Tôi có anh bạn làm nghề bác sĩ, nhưng lại mê thơ đến nỗi anh nghĩ, thơ mới là cái nghiệp truyền kiếp của mình. Quan niệm thơ của anh trước hết phải là Thơ-Cá-Nhân-Công-Nhân, nghĩa là thơ phải góp phần cải tạo và xây dựng Xã-Hội-Người. Các quan điểm chính trị, xã hội trong thơ anh quá mới mẻ, mạnh mẽ và táo bạo, đã khiến cho nhà phê bình Ích Xi, một điển hình người yêu chế độ đến cuồng tín nổi giận, *đánh* một bài nặng chùy trên báo. Lại gặp thời báo đã đăng bài *đánh* thì không có đăng bài *đỡ*, thế là anh bạn tôi phải mang án treo lơ lửng. Những người yêu thơ (cũng cuồng tín) và đồng nghiệp trong bệnh viện nghiêm nhiên coi anh như một thằng dở hơi, phản động! Anh buồn lắm, định bỏ bút, nhưng khốn nỗi cái máu thi sĩ cứ sôi lên sùng sục, anh lại làm thơ. Rút kinh nghiệm lần trước bị *đánh* vì Thơ-Thế-Sự, lần này anh làm Thơ-Tình-Vĩnh-Cửu. Đã gọi là Thơ-Tình-Vĩnh-Cửu thì thời nào mà chẳng cần, vì nó là nhu cầu tự thân của loài người. Không ngờ khi Thơ-Tình-Vĩnh-Cửu của anh vừa đăng lên báo, lập tức anh bị nhà phê bình thân yêu ngay từ trong nhà là Bà-Xã, dùng dùng nỗi giận *đánh* cho một trận toe tua. Chưa đã, nhà phê bình thân yêu Bà-Xã còn mở cả một chiến dịch truy tìm đối tượng của Thơ-Tình-Vĩnh-Cửu để *đánh* tiếp. May thay, bạn tôi là một người đàn ông đứng đắn nên cuộc truy tìm của Bà-Xã không thành, nhưng bà ra lệnh cho chồng “muốn gia đình êm ấm thì phải tiết cái nọc Thơ-Tình-Vĩnh-Cửu ấy đi”. Vâng lệnh nhà phê bình thân yêu, anh thôi làm thơ được mấy tuần liền. Nhưng cái máu thi sĩ quá ác nó không chịu cạn trong anh. Như đã nói ở trên, thơ đã là cái nghiệp truyền kiếp rồi thì làm sao đoạn tuyệt được, lần này thậm trọng

hơn, anh quyết làm Thơ-Nghệ-Thuật-Chữ. Chơi chữ là một nghệ thuật xưa nay khối người ưa thích. Mà còn trọng nữa. Chả thế mà ở phương Tây người ta còn nói chặc: “Chữ bầu lên nhà thơ”? Thế là công cuộc Cách-Tân-Chữ của anh được tiến hành, và tao đàn Thơ-Nghệ-Thuật-Chữ dần dần được xác lập, thu hút không ít người mê chữ nghĩa. Nhà phê bình thân yêu Bà Xà vốn chữ nghĩa mới ở trình độ xóa mù nên không can thiệp gì vào đấy được. Còn nhà phê bình cuồng tín Ích Xi thì cho qua loại thơ này vì không thấy nó hàm chứa một quan điểm chính trị đáng ngờ nào. Tưởng thế là yên, nào ngờ phái Thơ-Nghệ-Thuật-Chữ của anh đã vô tình chạm phải gout chân A-sin của phái Thơ-Thành-Thật-Khai-Báo. thế là thi đàn âm ỉ cả lên. Phái Thơ-Thành-Thật-Khai-Báo vốn lâu nay ngự trị thi đàn cảm thấy bị xúc phạm nặng nề, liền tung ra mấy nhà thơ kiêm nhà phê bình Búa Tạ, tả xung hữu đột. Anh bạn tôi phát hoảng vì biết rằng, những con chữ thí nghiệm làm sao chống lại nổi buá rìu. Thôi thì “quân tử phòng thân”, một lần nữa anh đành dang dở với Nàng Thơ. Nhưng lần này thì anh ngán thật, anh quyết bỏ bút để làm Bác Sĩ tư, một nghề cũng lương thiện không kém gì thơ, lại còn hơn cả thơ là kiếm được nhiều tiền để nuôi sống cả nhà.

2. Câu chuyện chỉ có thế, lại được kể bằng cái giọng tiếu bảm sinh làm cho mọi người đến... chảy nước mắt. Tôi cứ ngậm ngùi khi nghĩ về thân phận Người Thơ Dẫn Thân luôn bị đe dọa từ mọi phía bởi các kiểu phê bình cuồng tín Ích Xi, thân yêu Bà Xà hay sát phạt Búa Tạ. Đã có một thời đặng đặng, thơ ta đã được “tiêu chuan hóa” trên một phương pháp sáng tác duy nhất là phương pháp XHCN, với mục đích duy nhất là phục vụ đám đông quần chúng công nông binh. Văn nghệ phổ cập, đáp ứng nhu cầu dân trí thấp là cần thiết, nhưng không chỉ có phổ cập. Sự nhấn mạnh một nhu cầu đã bị ngộ nhận như một sự độc tôn đã kìm hãm sự phát triển phong phú và đa dạng của cả một nền văn nghệ một thời. Hiện tượng một số nhà văn trong nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm bị gạt bỏ suốt hơn ba chục năm dài đã được phục hồi trở lại là một bằng chứng nhõn tiền. Phải nói họ cũng là những bậc tài danh của làng văn, họ tiến hành văn chương bằng chữ chứ không phải bằng nghị quyết. May thay, thời ấu trĩ ấy đã qua nhờ một công cuộc Đổi Mới diễn ra quyết liệt trên toàn đất nước. Văn nghệ nói chung và thơ nói riêng đang mở ra mọi hướng kiếm tìm. Những tập thơ quan trọng của Lê Đạt, Trần Dần, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm... Một nhóm thi tài của làng thơ cách đây 40 năm lại tự tin tái xuất. Họ tự tin vì họ tự tìm cho mình lối tới Đền Thơ khá riêng biệt. Họ không đi theo lối Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, Nguyễn Bính hay Tố Hữu, bản lĩnh thơ của họ không bị đàn đồng ca đám đông chi phối, còn họ vào được Đền hay không lại là chuyện

khác. Riêng tôi, tôi tôn trọng Bản Cách Dẫn Thân của họ, tôi tôn trọng ngôi Đền lung linh trong tưởng tượng của họ. Và thời nay, ai đó muốn làm một Êrôstrat - kẻ đốt Đền - kẻ cũng khó lắm thay! Công bằng mà nói, *Bóng Chữ* của Lê Đạt là một thể-nghiệm-chữ, những con chữ phát sóng hơi xa lạ, nhưng cũng khiến không ít người nhận bắt được những rung động sâu thẳm của nhà thơ; *Bến Lạ, Ô Mai Em* của Đặng Đình Hưng, người thích kể không âu cũng là lẽ thường, nhưng rõ ràng là nó chẳng giống ai. *Cổng Tình* của Trần Dần lại là một kiếm tìm khác trong loại thể thơ-tiểu-thuyết mà không phải ai chủ quan múa bút cũng làm được... Và đặc biệt là tập thơ *Về Kinh Bắc* của Hoàng Cầm sắp sửa ra mắt trọn vẹn lần thứ nhất, dù nhiều người đã thuộc lòng nó từ mấy chục năm trước, khi còn là bản thảo. Tôi xin được mở ngoặc về tập thơ này một chút: *Về Kinh Bắc* Hoàng Cầm viết từ 1959 - 1962 sau vụ Nhân Văn, năm 1982 Hoàng hưng muốn in cuốn này theo một cách nào đó, thế là cả hai ông Hoàng đều lâm nạn. Phòng giam số 18 Hỏa Lò là nơi thi sĩ Hoàng Cầm tá túc vừa được đập phá mà anh bạn nhiếp ảnh của tôi đã kịp thời ghi hình lại được, âu cũng nói lên ít nhiều vui mừng và chua xót. Năm 1988 tôi định in *Về Kinh Bắc* ở Huế, tác giả rất mừng, nhưng chưa kịp in thì nhận được điện của Hoàng xin dừng lại (dưới bức điện ông ký một chữ *Hoàng* chữ không dám ký Hoàng Cầm). Tất cả các cửa xuất bản đều khép lại trước *Về Kinh Bắc*. Và hôm nay, cửa đã mở cho nó bước vào ngôi Đền thơ ca đằm đìa tính dân tộc của chúng ta. Sự thay đổi về tư duy phán xét các giá trị văn chương mở ra, làm giàu cho kho tàng văn chương của một dân tộc vốn giàu truyền thống nhân văn ngày càng phong phú, đa dạng. Và hiện đại dần lên.

3. Điều nói trên nhắc chúng ta nhớ về một thể hệ thơ dẫn thân khác, đó là lớp Người Thơ lớn lên và trưởng thành trong chiến tranh tàn khốc đầy bom đạn, chia ly và chết chóc. Có thơ chống Mỹ, có thơ chống Cộng, và có cả thơ tình yêu lứa đôi và thiên nhiên đất nước, và có cả thơ phản chiến. Nếu nói thơ ca là sự phản chiếu lịch sử và khát vọng của nó thì thơ của thể hệ này đã bao chứa cả một giai đoạn hỗn mang của lịch sử với tâm trạng khao khát yên bình của cả một dân tộc suốt cả cuộc chiến tranh dài. Thơ “Việt Cộng” giàu hào khí hùng tráng, hừng hực một ngọn lửa chiến đấu mới, nhưng đơn điệu về phương pháp biểu hiện. Thơ “Saigòn” có vẻ “phức tạp hơn nhưng nhìn chung sự kiếm tìm vẫn rơi vào vòng luẩn quẩn trong cái cũ ảm mốc sứt mứt. Điều đó thật dễ nhận thấy sau khi cuộc chiến tranh tàn khốc đã chấm dứt, chúng ta đọc lại nhau dưới con mắt chân tâm của người trong một nước nhằm gom nhặt lại những giá trị thơ ca còn óng ánh dưới tro than của cuộc chiến lụi tàn. Đã là những *giá trị* thì đều là tài sản chung, cả dân tộc cùng nâng

niu gìn giữ, không nên phân biệt con đẻ, con nuôi, bên này, bên khác. Tất cả đều là con của bà Mẹ Việt đau thương và độ lượng. Tôi rất đau lòng sau khi chiến tranh chấm dứt đến vài chục năm mà vẫn có người còn phân chia “Ta - Địch” trong thơ ca của một giống nòi. Sự phân tuyến “quân ta” - “quân địch”, “ta thắng địch thua” ngày nay thay ngậy thơ kiểu tư duy trẻ con vẫn thường làm. Những giá trị thơ ca *chính thực* do chế độ này mang lại, dù là *phía* nào, đều góp phần xóa đi những mặc cảm lịch sử một thời. Hôm nay chúng ta nhắc tới vĩ tuyến 17 là để xây lại cầu Hiền Lương to đẹp vững chắc hơn chứ đâu nhằm khoét sâu thù hận? Thơ của những người tham chiến dù là Thanh Thảo, Hữu Thỉnh, Nguyễn Bắc Sơn, Du Tử Lê, Nguyễn Sa... thì cũng chỉ còn lại những *giọt máu thơ* nhân bản mà thôi.

Có người cho rằng thế hệ thơ này vẫn cường-thi-lực trong các thế hệ thơ cùng có mặt hôm nay, vì sau chiến tranh họ biết “ăn trả bữa văn hóa”, chứ ít người mắc chứng bệnh công thần, bệnh sĩ, xấu hổ vì phải cấp sách vào các trường đại học để chuốc lấy ẩn ức vô học. Cũng đúng thôi. Chinh học vấn đã giúp cho *văn hóa viết* của họ được nâng cao, không bị tụt hậu trước thời đại. Nhưng một thế hệ khác trẻ hơn đã xuất hiện. Họ lớn lên và trưởng thành trong hòa bình, trong một xã hội mà nền kinh tế thị trường lan tràn từ thành thị tới thôn quê, trong một thời đại tin học bùng nổ. Họ tiếp nhận thế giới bằng con mắt tươi non. Và bởi vậy, thơ của họ “quậy” hơn lớp nhà thơ đàn anh nhiều. Thơ của họ *đa kênh, đa hệ* lạ lùng, khiến cho chiếc TV đen trắng độc hệ cổ lỗ phải lúng túng không sao bắt hết được. Nhưng họ biết, họ chính là thế hệ chuẩn bị cho những bùng nổ thi ca vào đầu thế kỷ tới. Tuy vậy, họ cũng biết ngay hôm nay họ chưa là gì cả: “*Thà làm lạt buộc còn hơn - làm kèo làm cột tre non sập nhà*”.

4. Một điều đáng lưu ý trong thơ hôm nay là hiện tượng xuất hiện thơ *sex*, thơ *tình dục*. Chúng ta nhớ lại trước đây vài chục năm, thơ tình (traí gái) bị các cửa tòa soạn Hà Nội khép kín, đến nỗi thi sĩ của tình yêu Xuân Diệu có lúc phải thề là: “Cái việc cần làm ở chỗ kín người ta lại làm giữa đường, còn cái việc cần tắm dưới ánh sáng người ta lại nhốt nó vào chỗ tối tăm”. Tình hình bây giờ khác hẳn, chúng ta không chỉ in thơ tình đến lạm phát, mà còn in cả thơ *sex*, thơ *tình dục*. Một số người đọc cảm giác buồn nôn, một số khác cho là lành mạnh, và một số khác nữa vô cảm. Theo tôi, sở thích là của mỗi người, không nên vì mình thích ăn chay mà phỉ báng người ăn thịt cá kiểu “lươn dài chề trạch ngắn đuôi”. Câu chuyện *sex*, *tình dục* thời nay chẳng có gì xa lạ với con người qua đủ các loại hình nghệ thuật. Ở phương Đông nổi tiếng gia giáo, lễ giáo, vậy mà truyền hình Đài Loan vẫn có riêng một chương trình về “chuyện ấy”.

Một sự kiện lớn đối với văn chương Nhật Bản gần đây là việc phát hiện ra tập thơ lục bát *Những Đêm Của Kômati* hay là *Thời Gian Của Ve sầu* gồm 99 bài nói về 99 đêm của cô gái xinh đẹp Kômati với thi sĩ Rubôkô Sô (980 - 1020): “Một lần nữa, bằng môi - Tôi chạy dọc theo đồi”. Hóa ra cả chục thế kỷ qua, văn minh Nhật đã quên mình cũng có một thi tác tuyệt vời mang tới cho người đọc những xúc cảm tinh tế, những niềm vui xác thịt của cuộc đời. Và ngay cả chúng ta, bà chúa thơ Nôm họ Hồ sẽ còn gì nếu đười ra khỏi thơ bà những “Cột nhỏ xong rồi lỗ bỏ không”, “Xin đừng ngó ngoáy lỗ tròn tôi”, và *Truyện Kiều* của thi hào họ Nguyễn sẽ còn gì là đời thiếu vắng những “nước vỡ lựu, máu máu gà” hoặc “dây dầy sẵn đúc một tòa thiên nhiên”?... Khi sex, tình dục nằm trong một tổng thể nghệ thuật hoàn chỉnh thì nó đồng nghĩa với cái Đẹp, đó là Mỹ Học. Mỹ Học không phải là một thứ bất biến mà vận động không ngừng. Muốn cảm nhận được thơ hiện đại cần có một Mỹ Học đổi mới. Tiếc thay, khi tiếp xúc với thơ sex, thơ tình dục vẫn có người nhìn nó dưới con mắt thẩm mỹ bó hẹp, đã dùng ngón meo “điều hổ ly sơn” tách từng câu thơ ra khỏi tổng thể nghệ thuật để đánh đòn tâng xẻo, đánh đòn hội chợ. Tôi thấy kiểu này có gì thật bất nhẫn.

Nhân đây, tôi xin kể một chuyện thú vị này: Buổi sáng nghe nhà thơ Vũ Quần Phương phê phán thơ hôm nay bất nhã như người mặc quần đùi đi ra đường, thì buổi chiều tôi có dịp đi ra bờ Hồ Gươm và ai bất ngờ gặp sáu cô gái xinh đẹp mặc quần soọc jin ngồi trên ba chiếc xe DREAM, để lộ cặp đùi trắng trẻo khỏe mạnh, phóng như bay trên đường. Tôi bỗng thấy Cái Đẹp mà theo tôi, Hà Nội xưa chưa từng có. Vậy thì mặc quần đùi cho đẹp đi ra đường thì có gì là bất nhã đâu? Chúng ta cần có con mắt nhìn nhận cái đẹp cởi mở hơn nhiều.

5. Hơn một lần, tôi nhớ về tháp Ep-phen, khi được dựng lên bằng hàng nghìn cấu kiện sắt thép vào cuối thế kỷ XIX, biết bao người tên tuổi kính trọng lên tiếng chửi bới đòi tháo dỡ. May thay, người ta đã không nhẹ dạ làm theo những kiến nghị điên rồ ấy, và, nó uy nghi bước vào thế kỷ XX với tư cách là một kỳ quan thế giới. Với thơ hôm nay, bởi nó là một nghệ thuật phức tạp và tinh lọc, nên chúng ta không nên vội vã đối xử thô bạo với nó, mà trước hết, cần có một cái nhìn mở, cái nhìn tôn trọng. Nàng Thơ đâu phải của riêng ai? Khi Nàng Thơ bị người này hoặc người khác độc quyền chiếm giữ, thì các nhà thơ khác buộc lòng phải giải nghệ. Bài học từ người bác sĩ của bạn tôi là một bài học cay đắng nhỡ tiền. Nhưng khi bị cướp giật về thơ, anh còn có nghề bác sĩ để lui về, còn các nhà thơ?...

HOÀNG XUÂN SƠN

CÔI BIỆT

Động đình chim vỡ thang ma
trèo lên cây nguyệt hái đầy sương xanh
vin nhau từ cỗi đoạn đàn
xa em huyễn xứ gần anh lụi tàn
hiên mùa đổ bóng lang thang
ngón tê vào nổi ghế bàn lạnh trở
đêm thâu dáng rượu bợ phờ
quên rồi cũng nhớ ngày thơ dại lắm.

LƯU HY LẠC

Ở PCT

Nghe đâu, ở. Gió ngọn cây
Giọng tu hú, đặng chếp mây xanh mờ
Đêm, mặt sao túa nói, cười
Cơ mang. Lạ, tròng bởi bởi chứa chan
Đeo về nặng thêm, đồ ngang
Hoa, màu phả lòng sông làn khói nường
Mai này, rồi, ới trời sương
Ai thồ ngựa băng qua đường, tĩnh tâm
Một tay nải kinh, hương trầm
Chôn lưng dốc ngồi mơ tầm nã nhau
Chân mười phương. Môi khua, chào
Chỉ bấy quạ còn trên sào lặng im.

TRẦN NGỌC TUẤN

NHỚ NHỮNG MÙA THU CŨ

Em - mùa thu - hoa hậu của bốn mùa
nên kiêu hãnh, theo anh là có lý
không biết em vô tình hay cố ý?
cứ heo may để năm tháng anh vàng

...

Tết trung thu
quả bưởi tròn đầu trọc
lăn dài trong hoài niệm xa xăm
tiếng trống múa lân tới giờ vẫn rộn

Mưa mùa thu đằm đìa
khóc thương chú ve sầu cuối hạ
thôi vĩnh biệt tuổi học trò áo trắng
hoa phượng rơi như máu ở sân trường

Mùa thu anh ra đi
hố bom khoan vào lớp học
mùa thu Hà Nội
lỗ chỗ vết bom bi...

Đêm mùa thu chia ly
anh chỉ muốn em nói lời tàn nhẫn
chiến tranh không bó được ngày về
đâu muốn em trở thành người góa phụ

Chiến tranh đã qua, mùa thu còn ở lại
những sắc vàng vẫn đan dệt quanh anh
em không còn là thu thuở trước
anh tận nguyên từ mùa thu em

Anh lang thang trên phố, lúc đang say
phả hơi rượu vào mùa thu nồng nặc
mùa thu thả hơi cay vào trong mắt
bóng những mùa thu xưa nhạt nhòa

Em - mùa thu - hoa hậu của bốn mùa
nên kiêu hãnh, theo anh là có lý
nhưng xin đừng làm gai đâm vào suy nghĩ
làm anh đau, khi mỗi bận em về...

TRẦN MỘNG TÚ

BÀI THƠ CON GÁI

Cô con gái
bước vào tuổi dậy thì

Có hôm đi học về
cô xà vào mẹ
cô cao hơn mẹ
mẹ bé hơn cô
cô ngồi vào lòng
nặng ôi là nặng
cô cười hạnh phúc
cô nói đơn sơ
cô ôm cổ mẹ
nụ cười như mơ

Có hôm đi học về
cô đi thẳng vào buồng
đóng kín cửa lại
mẹ gọi làm ngơ
như chiếc giầy đàn
cô vui cô giận
cô khóc bất ngờ

Có hôm cô làm thơ
cô loay hoay cả buổi
cô gửi bài thơ đi
dán kín phong bì
không cho mẹ đọc

Có hôm cô nói điện thoại
mẹ bảo thôi đi
cô đòi nói nữa
giọng cô như sữa
ngọt, mát xuân thì

Cuối tuần có hôm xin mẹ
cho con đem bạn về
những cô vừa mới lớn
mướt như cành hoa lê
cả đêm hoa lê nở
ran ran tiếng thâm thì

Có tuần xin đi phố
không muốn mẹ cùng đi
cả một bầy con gái
nhảy những bước chim di
dán mũi vào cửa tiệm
túi chỉ có vài đồng
chia nhau ly nước ngọt
gò má au au hồng

Có hôm cô nói chuyện
vào đại học
cô sẽ đi thật xa
có hôm cô mơ làm chủ
một chiếc xe thật đẹp
mơ chia chung với bạn
một căn nhà

Mẹ cô thì mỗi ngày
nói với chính mình
sửa soạn sẵn đi
một hôm tìm thấy
trong giữa những ước mơ cô
có một truyện tình

LÊ GIANG TRẦN

ĐỨNG GIÃNG TAY LÀM MỘC

Em ném vào tôi
những rợn ràng và se thắt
những bưng sáng và âm u
như tôi là dòng sông
chuyên chở phù sa về biển rộng
như tôi là gương soi
buồn vui theo nhan sắc.

Bằng hữu ném vào tôi
những rác rưởi không trút vào đâu được
có thứ là phân tươi
nuôi sự sống xanh màu
có thứ là gươm đao
cứa sâu vào xương tủy
có thứ là màu sắc
của lửa đỏ và nước xanh.

Gia đình ném vào tôi
những kỳ vọng và thất vọng
như mùa xuân và mùa đông
có khi tôi nở hoa và có khi tôi tuyết trắng
ai cùng tôi đi một con đường?
có phải chiếc bóng đằng sau và mặt trời đằng trước
trắng trên đầu là một nỗi riêng.

Quê hương ném vào tôi
những cánh hồng và những ngọn roi
như kỷ niệm và tương lai
nửa yêu thương nửa lạnh lùng
như đứa con ngoại tộc
vừa gần gũi vừa cách xa.

Tôi như chim én tưởng bay về mùa xuân
hóa ra chỉ là hải âu
sống lạc loài theo gió biển.

Không lẽ
mãi
tôi đứng giăng tay làm mộc?

PHAN NI TẤN (N.D)

NỤ XÓT XA

ơi người em muộn phiền
bao lâu nay
em như chim xa rừng
vút bay

mưa rơi về qua
trôi em về xa
bỏ tôi ngồi trong gió
giận hờn

rồi thôi không đợi
tôi xuôi theo cùng ngày tháng
trên ngọn hắt hiu

ngày xa vắng lời em
đời như có buồn thêm
tôi hóa thân thành
nụ xót xa

còn đây dấu xưa nằm
ngủ quên dưới chân tình yêu
đã đốt cháy tan đời
tôi.

Góp Ý

Thơ vẫn còn có mặt giữa đời sống mặc dầu không còn là một nhu cầu hàng đầu của người thưởng ngoạn, do nơi vẫn còn những nhà thơ sống thơ và làm thơ. Một cách tận cùng và vô điều kiện. Đó là hiện trạng thơ ở ngoài nước hiện giờ với tạp chí Thơ vừa phát hành số ra mắt. Tập thơ được trình bày tao nhã từ trang bìa tới những trang trong xứng đáng được gọi là một nhả tập từ lâu mới thấy. Tôi đọc cẩn thận với tất cả lòng yêu mến. Ngoài mấy tác giả đã thành danh như Vũ Hoàng Chương, Thanh Tâm Tuyền, Du Tử Lê, phần lớn những người có mặt đều là những nhà thơ trẻ sau 1975, tiếng thơ cất lên từ một bàn viết hải ngoại. Nói chung, đó là tập thơ của thơ muốn đi tới những chân trời mới. Muốn làm mới rung động, làm mới ngôn ngữ, hoàn toàn. Cũng là được. Thơ phải có tham vọng. Cũng là hay, thơ phải là một thoát ly với những thời thơ trước nó. Trong tình trạng hết sức khó khăn hiện giờ cho thi ca, Sổ Tay chúc tạp chí Thơ thành công, chừng như sẽ phát hành mỗi năm ba tập.

Nhà văn Mai Thảo, Sổ Tay Văn

Hy vọng tạp chí Thơ sẽ trở thành nơi hội tụ cho tất cả những gì đi lên..., những dòng sông lớn (nhớ sấm sấn ít phao!) Nói chung, nhờ Thơ mà nhiều dòng... quy tụ lại được như thế cũng là điều rất đáng mừng và gây thêm phấn khởi. Rất mong được biết thêm các *phản ứng* của các nhà thơ bên ấy dưới *biển cổ Mùa Thu 1994!*

DC (Pháp)

Lại nói về tập Thơ mà anh em chúng tôi bên này đang bàn luận nhiều. Rõ ràng là một bước mạnh trên con đường tìm cái thơ... cho thơ hiện nay. Tạp chí Thơ tôi nghĩ là loại *con hiếm*, khó nuôi. Rất mong các anh bên đó nuôi Thơ sống dai, sống hùng.

DQ (Đức quốc)

Từ một nơi xa, tôi gửi đến tạp chí Thơ lời chào *kinh ngạc - bàng hoàng* của tôi khi nhận được tạp chí của quý anh chị. Là một kẻ *lỡ đại yêu thơ*, và làm thơ, tôi thấy sự ra đời của tạp chí Thơ là một *sự kiện* cuối thế kỷ hai mươi. Tôi vô cùng mong mỗi tạp chí Thơ chớ chết non.

TNT (*Tiếp Khắc*)

Tạp chí Thơ in đẹp và nhã nhặn. Mong tờ báo sẽ sống lâu. Tôi chỉ mong các bạn bè ở ngoài có điều kiện hơn (cả về vật chất và tinh thần) sẽ đưa thơ ca VN đến một bến bờ mới đích thực hơn.

NTN (*Việt Nam*)

Tôi đọc xong nhiều bài thấy hay quá, mới mẻ, khai phóng. Tôi rất thích những bài tiểu luận *Suy Nghĩ Rồi* và *Tình Truyện Trong Thơ...* NT, trong *Thi Ca, Mấy Điều Tản Mạn* có nhắc lại một câu của TT mà tôi rất thích: “*Chiếc ghế trong tranh không phải là chiếc ghế để ngồi.*”

HHC (*CA*)